

# NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

*Đại Đường phiên dịch kinh Sa môn Huệ Lâm soạn.*

## QUYỂN 18

### KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN, ÂM BIỆN TỰA (Từ quyển thứ nhất đến quyển thứ mười.)

旭照 Húc chiếu: Ngược lại âm trên là hứa ngục. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Húc là mặt trời mới bắt đầu mọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Húc là sáng rõ ràng, mặt trời mới mọc ánh rõ ràng. Chữ viết từ bộ nhật thanh cửu.

原隰 Nguyên thấp: Ngược lại âm trên là nguy viên. Âm dưới là tâm lập. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: nơi đất cao bằng phẳng gọi là nguyên, âm dưới là thấp, gọi là thấp theo Công Dương Truyện cho rằng: đất dưới bằng phẳng gọi thấp. Sách Thuyết Văn cho rằng: dưới dốc núi thấp, chữ viết từ bộ phụ thanh thấp, âm thấp ngược lại là âm tha đáp.

發軔 Phát chẩn: Ngược lại âm trên là phương miệt. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: phát động, khởi lên, đưa lên, phát đi. Theo sách Thuyết Văn cho rằng: mũi tên phát ra từ cây cung, nghe tiếng mũi tên bay vù vù. Âm thù ngược lại âm phổ mạc. Ngược lại âm dưới là chi nhần. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: chẩn là chuyển đi, lấy nghĩa là chiếc xe bắt đầu lăn bánh, tức là phân ra, chia ra, vết bánh xe lăn. Chữ viết từ bộ điền viết thành chữ chẩn. Sách Sở Từ cho rằng: điền ruộng đất ấp một ngàn. Chẩn Vương Dật chú giải rằng: chẩn là đường trong ruộng đất phân ra từng thửa ruộng. Trong bài tựa văn bao hàm hai ý nghĩa, cho nên nêu lên hai ý trong bài văn này, nghĩa theo văn nói cho rằng: những đường phân chia ranh giới của bờ ruộng, là chữ tượng hình, cũng là chữ hội ý.

分逵 Phân quỳ: Ngược lại âm quỳ vi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: giao lộ có chín đường thông đạt tới gọi là quỳ. Quách Phác chú giải rằng: giao lộ có bốn đường thông ra lại có bên cạnh con đường thông nữa gọi

là quỳ. Theo Tả Truyện cho rằng: cùng với đại lộ lớn mà không cùng với con đường nhỏ, giống như trên lưng con rùa những đường nứt có văn vậy.

普洽 Phổ hiệp: Ngược lại âm hàm giáp. Thiên Thương Hiệt cho rằng: hiệp là thấu suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiệp là thấm ướt.

醞化 Thuần hóa: Ngược lại âm thuận luận. Gọi khác là vụn vặt được thuần hóa. văn thường hay dùng viết thuần này. Tam Thương cho rằng: thuần là thật thà chất phác, mộc mạc, nồng đặc, đậm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thuần túy sách Thuyết Văn cho rằng: thuần túy không xen tạp. Theo văn tự điển nói rằng: không rót rượu, thuần mỹ, tốt đẹp. Chữ viết từ bộ đậu thanh thuần. Âm thuần đồng với âm trên, âm túy. Ngược lại âm tuy túy.

澆風 Kiêu phong: Ngược lại âm kiêu nhiều. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: không thuần hậu bạc béo, mỏng manh.

軀 軀: Âm cố, hoặc là viết cố. Sách Lễ Ký cho rằng: thân có tật bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh lâu ngày gọi là cố, chữ viết từ bộ tất thanh cố.

沉遠 Tầm viễn: Ngược lại âm tĩnh cảm, chữ khứ thanh. Lại cũng viết thâm. Cố Dã Vương cho rằng: tầm là thấm ướt từ từ, gọi khác đi tầm là câu dài. Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: hơi một chút, hơi hơi, cũng gọi là thời gian lâu dài chìm xuống nước từ từ. Văn Tự Điển cho rằng: tầm cũng gọi là dẫn từ từ, tưới nước ươm cây. Chữ viết từ bộ thủy, đến xâm thanh tĩnh.

陶坏器 Đào hôi khí: Ngược lại âm trên là đường lao. Quảng Nhã cho rằng: đào, phân hóa, hoặc là viết chữ đào. Lại là âm điệu cũng thông dụng chữ hội ý. Ngược lại âm dưới là phổ bội. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngói gạch chưa có nung trong lò gọi là hôi, chữ viết từ bộ thổ đến bộ bôi, thanh tĩnh.

饌石田 Ốc thạch điền: Ngược lại âm Ô cốc. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: ốc là màu mỡ, phì nhiêu tốt đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: tưới nước vào ruộng. Chữ viết từ bộ thủy thanh yêu.

譜弟 Phổ đệ: hoặc là viết chữ phổ này cũng đồng, ngược lại âm bù cổ. Giải thích tên gọi là phổ là truyền ra khắp. Văn Tự Điển nói rằng: xếp hàng cuối đầu để nghe ban truyền, phổ biến ra hiệu lệnh, bản luận, xem thấy sự việc để nói ra cho mọi người biết. Chữ viết từ bộ ngôn thanh phổ.

失魄 Thất phách: Trên là chữ thất. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ đến bộ ất. Nay sách Dịch Thư viết biến thể. Vì thư viết vội nên chữ thất

này. Ngược lại âm dưới là phổ bách. Theo Tả Truyện cho rằng: tâm tinh thần sáng khoái, thoải mái trong sáng gọi là hồn phách, tinh của dương là hồn, chất âm là phách. Gọi khác là tinh khí là vật theo hồn là m biến hóa. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: phách là hình. Sách Thượng Thư cho rằng: tái sinh là phách. Khổng An Quốc chú giải rằng: phách khi chết sinh ra sáng suốt. Lại gọi là bắt đầu sinh ra phách, từ một tháng sáu mươi ngày. Theo văn Tự Điển nói rằng: phách là thần thuộc âm, phách bị bức bách đó là do con người. Cố Dã Vương cho rằng: phách đó gọi là hình của mặt trăng, không có chỗ nương tựa tối tăm, mờ mịt. Sách Thuyết Văn cho rằng: mặt trăng bắt đầu mọc phách mới hiển lộ, bởi vì mặt trăng lớn ngày thứ hai, thân vì mặt trăng nhỏ ngày thứ ba. Văn cổ viết phách. Xưa nay Chánh Tự viết hồn phách hai chữ đều từ bộ quĩ chữ hình thanh.

淪滯 Luân trệ: Ngược lại âm trên là luật quân. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: luân là chìm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nước dưới sông sạch gọi luân. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước sóng sóng nước là luân. Chữ viết từ bộ thủy thanh lã, âm luân đồng với âm trên.

鍼石 Châm thạch: Ngược lại âm trên là chằm nhâm. Theo chữ chằm đó là người thầy thuốc dùng kim để châm cứu và ngải để cứu trong Đông y. Cũng không thể khiến sai sót một hào ly nào mất. Thạch đó là chỗ để phục nhũ, như là thạch dược. Phục là vốn cầu cho năm tháng dài ra, có lợi ích cho tuổi thọ. Nếu đem dừng nghĩ sẽ mất chỗ độ lượng mà sanh ra ưu não buồn rầu bộc phát mãi về sau vậy.

織毫 Tiêm hào: Ngược lại âm trên là tương diêm. Quảng Nhã cho rằng: tiêm là rất nhỏ. Sách Phương Ngôn cho rằng: nhỏ nhít như sợi lông, hào tức là một phần của sợi lông.

易乎 Dịch hồ: Âm trên là di địa. Âm dưới là hồ. Chữ chánh thể.

属有 Chúc hữu: Ngược lại âm chung nhục. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chúc là hiểu biết, cũng gọi là phó thác. Sách Thuyết Văn cho rằng: chúc là liên hệ. Trong bài tựa kinh đó là tự vui mừng vâng theo Tam Tạng dự phần trong pháp hội. Dịch kinh đây có thể phó thác riêng huệ mạng liên hệ pháp viên dung, hòa theo đèn chiếu sáng mà chưa tỏ ngộ.

學架 Học giá: Ngược lại âm ngõa giác. Theo Khảo Thanh cho rằng: đặt để tập theo, hiểu biết. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: dạy học. Cố Dã Vương cho rằng: Người thọ nhận sự dạy dỗ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ trên bày ra thí cho dưới chỗ có hiệu

quả. Chữ học này là văn cổ. Nghĩa là chỗ nghe mà được giác ngộ. Chỗ nghe theo giáo pháp. Sự chỉ dạy mà được giác ngộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ học là từ bộ phộc thanh học. Nay viết chữ học từ bộ nhất tới bộ miên âm miên là âm mạch âm là hiểu hiểu biết, từ học này là tính lược bớt đi bộ phộc đến bộ cửu, đến bộ mạch thanh tử chữ chuyển chú, cũng là chữ hội ý. Âm dưới là chữ giá, ngược lại là âm da nha.

溟涘 Minh bột: Ngược lại âm trên mạch bình. Sách Tập Huấn cho rằng: minh là mờ tối, u ám. Minh bột là tên riêng của biển lớn, chữ viết từ bộ thủy, chữ hình thanh.

以索亡侏 Dĩ tác vong chu: Ngược lại là âm sở cách. Sách văn thường hay dùng. Viết đúng là chữ tác này. Sách Phương Ngôn cho rằng: tác là lấy mượn âm chữ, vốn là âm tăng lạc. Nay không dùng nữa. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây cỏ có cọng có lá, có thể lấy là m dây to, cho nên từ bộ mạt. Ngược lại là âm phổ mạt. Chữ từ bộ mạch, chữ tượng hình. Nay theo lệ sách thông dụng viết chữ tác này biến thể của sách vậy.

Dao Long cung: Ngược lại âm trên là đường đáo. Sách Thuyết Văn cho rằng: đao là đâm đập lên. Chữ viết từ bộ túc thanh đao.

Cánh phúc: Ngược lại âm phòng phúc. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng mùi hương.

Tam Lượng: Ngược lại âm lương tượng nghĩa đây là thân cận với đời. Trước đã lập ra tam lượng: hiện lượng, tử lượng đến giáo lượng, gọi là trần na. Về sau đến giáo lượng nhiếp vào trong tử lượng nên chỉ lập ra nhị lượng.

仿以 Phảng dĩ: Ngược lại âm phương võng. Tên của người soạn tựa kinh, tức là Đại Đường Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang, âm dưới là tên người phiên dịch kinh: là Đại Đức Pháp sư Tăng Phảng. Tự nói ra là khi soạn bài tựa cho dịch kinh vậy.

反魂 Phản hồn: Sách Thập Châu Ký ghi rằng: Ở trong biển Tụ-oa Châu, trên châu này có cây đại thọ. Nó giống như cây phong của nước này, mùi thơm bay xa trăm ngàn dặm. Tên là phản hồn, chặt cây này xuống lấy trong cây ra có ngọc đục trong ngọc đem đốt lấy chất nước tinh dầu, lại dùng lửa nhỏ đem hơi cho nóng cháy đen khiến cho thành những hoàn nhỏ, có tên hỏa vụ tinh hương; cũng có tên hoắc tinh hoàn, cũng có tên là phản sanh hương, cũng có tên là nhơn điểu tinh, cũng có tên là kiếp tử hương. Phàm có năm tên, mùi hương này đốt lên hơi nghe rất xa. Thân chết nằm dưới đất nghe mùi hương này cũng sống dậy mạng kéo dài đến ba năm. Vua Vũ Đế an định ở trong cung may mắn

nghe được mùi hương này ở Tây Vực, Vương Nguyệt Chi cũng theo con đường tìm tới, loài thú khi nghe mùi phản hồn hương, loài hai chân bốn chân cũng đều tụ tập tới, cảm thấy thần hồn ngây ngất, loài mãnh thú, người huỳnh sắc, rất nhỏ cũng uy phục trăm tà vọng lượng cũng đều say mê, vua nghe thân hành đến thử cảm thấy có hiệu nghiệm và cảm thấy nhẹ nhàng, và sau đó rất lâu không mất mùi hương này, và cũng khiến cho người và loài thú v.v... không biết chỗ tiềm ẩn mà quay về với Tây Vực.

染翰 Nhiễm hàn: Ngược lại âm hàn ngạn hoặc từ bộ mao viết thành chữ hàn. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: cái lông nhỏ của con thú, có thể chế ra là m cây bút cho nên gọi là hàn. Sách Chu Lượng nói rằng: hàn văn, như có màu sắc của lông con gà nói văn chương kỳ diệu sáng sủa, mà cây bút có thể là là m cây cầu bắt ngang để đưa người sĩ tử đến đài danh vọng. Xưa nói rằng gọi cây bút là đảo hàn.

槁抵 Tháo kỳ: Ngược lại âm thảo đao. Sách Thuyết Văn cho rằng: tháo là cầm nắm giữ, hoặc viết là chữ tháo này là chữ cổ.

疇泗 Trù tứ: Ngược lại âm trụ lưu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: trừ là phát ra. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hai người là trừ, trừ cũng là thất nghĩa là “ai”. Ngược lại âm dưới là thị tứ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tú là mưu tính. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưu sự gọi là tứ, chữ hình thanh.

伉談 Kháng đàm: Ngược lại âm trên là kang lãng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: kháng là cung kính, cũng gọi là một cặp vợ chồng. Sách Giai Uyển Chu Tông cho rằng: đối địch, sách Luận ngữ cho rằng: kháng là đàm luận.

熒暉 Huỳnh huy: Ngược lại âm trên là huệ cao. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: huỳnh là con đom đóm, tức là chiếu sáng. Quách Phác chú giải rằng: con đom đóm bay vào ban đêm và dưới bụng cho ánh sáng. Sách Lễ Ký cho rằng: loài côn trùng hóa sanh trong cỏ mục là con đom đóm. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ trùng đến bộ huỳnh thanh tĩn.

-----

## KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 1

祛羅帝耶山 Khư-la-đế-da-sơn: Ngược lại âm trên là khương-già.

Tiếng Phạn, tên của núi, hoặc dịch là Luy lâm sơn, Thập bảo sơn (núi Luy lâm, núi Thập bảo) cũng là một tên núi, cũng gọi là núi Thất kim, nhiều lần tiếp cận với núi Tu-di. Cao đến bốn vạn du thiên na, quả núi có ánh sáng có mùi thơm, có các vị tiên như ở đây. Núi này có các vị tiên tu tập pháp là m chấn động sấm sét, là m phép huyền ảo.

𡇗 Bí sô: Ngược lại âm trên là tỳ lực. Âm dưới sở câu. Nay lấy chữ này là sai. Âm Phạm không câu chữ nghĩa, tiếng Phạn gọi là Bí sô. Đường Huyền Trang dịch. Khất sĩ cũng là tên có thể phá, phá giống như là hủy bỏ, phá đây có nhiều nghĩa, hoặc là phá ác nghiệp, hoặc là phá phiền não. Đây dịch không đúng, cho nên còn tồn tại trong Phạm ngữ vậy. (T417).

Đại vũ hương vũ: Trên là chữ vũ khứ thanh. Ngược lại âm vu cú, dưới là chữ vũ, thượng thanh. Ngược lại âm vu cự. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ vũ là chữ tượng hình.

三界 Tam giới: Ngược lại âm giai giới. Hoặc là trong sách viết chữ giới này giải thích dùng một loại. Tiếng Phạn gọi là đất tần (hai âm hợp lại chuyển lưỡi đọc). Lộ (dẫn) chỉ (hai âm hợp lạ). Đường Huyền Trang dịch là: tam giới tức là dục giới, sắc giới thuộc trên cõi trời, dưới tuần tự tổng có hai mươi tám tầng chư thiên, hoặc là nương theo đất, núi, hoặc nương theo hư không, tùy theo nghiệp mà trụ ở. Hết kiếp ba ngàn đại thiên, trăm ức Tu-di thiết vi, tận cùng trên có đảnh minh không, tận cùng dưới là có phong luân không giới. Tổng gọi chung Sa-ha. Xưa dịch là thế giới Ta-bà vậy.

浮泡 Phù bào: Ngược lại âm phổ bao. Sách Phương Ngôn cho rằng: bào là pha chế nhiều loại. Lời nói của người thuộc lưu vực sông Hoài. Quách Phác chú giải rằng: bào là nước thủy triều dâng cao, là lụt lớn, lũ lụt tràn về. Phù là bọt nước nổi trên mặt nước.

欸然 Huất nhiên: Ngược lại âm huân tiết. Thiên Thương Hiệt cho rằng: bổng nhiên nổi lên âm thốt. Ngược lại âm thương nột. Sách Tây Kinh Phú cho rằng: Huất là nhìn thấy phía sau lưng. Bách Tông cho rằng: bổng nhiên, thốt nhiên.

增彊 Tăng cương: Ngược lại âm cự lương. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cương là gánh vác đảm nhiệm. Quách Phác cho rằng: cương là tốt đẹp, cùng với vật tương đương. Chữ viết từ bộ cung, thanh cương.

帝釋 Đế Thích: Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang giải thích rằng: đế là nơi đời Đường thích là tiếng Phạn âm là lạc-yết-la đường. Đây là lời phiên dịch mà nghĩa dịch xưa là đồng mãnh quyết định. Văn xưa dịch lược nên nói rằng: Đế thích. Nay theo bản dịch xưa, cho nên hai

bản xưa và nay đồng nêu lên.

以頌 Dĩ tụng: Ngược lại âm từ tụng. Trịnh Huyền chú giải sách lược Chu Lễ rằng: tụng là đọc có âm điệu, tiếp nhịp, dung hòa theo điệu, nhịp điệu. Sách Khảo Thanh cho rằng: tụng đó là khen ngợi, ca ngợi công đức hiện tại, dùng lời tao nhã, từ trong sáng mạnh mẽ. Tinh thần trong sáng, hình dung ca ngợi công đức của thần minh, cho nên gọi là tụng.

不測 Bất trắc: Ngược lại âm sở trắc. Sách Lễ Ký cho rằng: không lường được những việc chưa đến. Trịnh Huyền cho rằng: trắc là ý đo lường, hoặc là trong kinh văn viết, sai chữ viết bộ tâm viết thành chữ trắc này là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

大劫 Đại kiếp: Ngược lại là âm kiếm nghiệp tiếng Phạn. Đường Huyền Trang giải thích rằng: Thời gian dài không giới hạn tháng năm vậy.

盛貯 Thạnh trữ: Âm trên là thành. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: chứa đựng đồ vật gọi là thịnh. Ngược lại âm dưới là trưởng lữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: trữ là tích chứa. Chữ viết từ bộ bối thanh thử.

車乘 Xa thừa: Ngược lại âm thừa chứng. Quảng Nhã cho rằng: thừa là cỗ xe chở Trịnh Huyền chú giải rằng: bốn con ngựa là một cỗ xe gọi là thừa, gọi là hai cặp song song với nhau. Xưa hiệu là xe tứ mã (là bốn con ngựa).

所憑 Sở bằng: Ngược lại âm bị bằng. Sách Chu Lễ nói rằng là chiếc ghế dựa của vua. Sách Thuyết Văn cho rằng: bàn chỗ dựa vào sân hận nổi giận, tức giận. Kinh văn lấy chữ nộ mãn. Nghĩa là tức giận tràn đầy (tức chết đi được).

船撥 Thuyền bát: Ngược lại âm phiên miết. Sách Phương Ngôn cho rằng: cái bè là m bằng tre gọi là bài. Bài cũng gọi là cái bè. Cái bè đó giữa nước Tần, và Tấn gọi thông dụng với nhau. Vương Dật Chú giải sách Sở Từ rằng: bện trúc là m bè gỗ trên mặt nước gọi là bè gỗ, người nước Sở gọi là bài, âm bài ngược lại là âm bại mai. tức là cái bè, hai chữ phù phù âm thông dụng đều đồng nhau. Ngược lại là âm phương du, cũng gọi là cái bè qua sông. Trong kinh văn viết phạt là cái bè cũng là văn thông dụng thường hay dùng. Chữ chánh thể từ bộ mộc thanh phát.

如塹 Như tiệm: Ngược lại thiếp diễm. Quảng Nhã cho rằng: tiệm là cái hào bao quanh thành, cũng gọi là cái hố sâu. Sách Ngọc Thiên cho rằng: cái ao bao quanh thành. Sách Chu Lễ gọi là không có cống

rãnh là cái hào, bao quanh để giữ được thành là vậy. Cũng gọi là Thành Hoàng. Tên của vị thần, ban đầu trong mỗi thành đều có đền thờ, gọi là miếu Thần Hoàng.

清令 Thanh lệnh: Ngược lại âm lịch đình. Vương Dật Chú giải sách Sở Từ rằng: lệnh sạch, là mát mẻ. Cố Dã Vương cho rằng: lệnh là ý giải ngộ tự nhiên. Trong kinh văn viết từ bộ băng là chẳng phải.

貧匱 Bần Quĩ: Ngược lại âm quỳ vị. Trịnh Huyền Chú giải sách Lễ Ký rằng: Quĩ là thiếu thốn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quĩ là hết sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: không còn của cải, chữ viết từ bộ phương âm phương thanh quý.

稼穡 Giá sắc: Ngược lại âm trên là da nhạ. Ngược lại âm dưới là sắc lực. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: không có cấy lúa thì không có lúa để mà gặt. Theo Mao Thi Truyện cũng cho rằng: trồng lúa cũng gọi là giá. Thu hoạch gọi là sắc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa, thanh sắc, cũng viết từ bộ lai thanh mẫu bộ lai đó là mẫu mà gọi là chứa, cho nên người là m ruộng gọi là sắc phu.

水激 Thủy kích: Ngược lại âm kinh diệc. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: là cảm kích. Sách Sở Từ rằng: là cảm kích. Sách Trang Tử chú giải rằng: kích là nước bắn lên, rót nước. Tư Mã Bưu cho rằng: nước chảy ẩn dưới gọi là kích. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước bị ngăn cản bởi vật gì. Quảng Nhã cho rằng: nước chảy mau có những là n sóng nhỏ. Chữ tượng hình.

硝釋 Tiêu Thích: Âm trên là tiêu. Cố Dã Vương cho rằng: tiêu tán. Sách Sở Từ cho rằng: giảm bớt, hủy hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: nung kim loại chảy ra, chữ tượng hình.

悚懼 Tung cụ: Ngược lại âm trên là lật dững. Âm dưới là cụ. Tự Thư cho rằng: Tung cụ là khi chiến trận đánh nhau rung sợ, sợ hãi. Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang giải thích rằng: ý của Phạm văn là lấy cái tâm hoảng sợ nên lông dựng đứng lên gọi là cụ.

儼然 Nghiêm nhiên: Ngược lại âm trên là ngư liễm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nghiêm là cung kính, khom người đánh lễ gọi là nghiêm. Nghiêm cũng như là suy nghĩ. Trịnh Huyền cho rằng: thương xót tự tôn, tự khoe, có sức mạnh, người ngồi suy tư khoe, có sức mạnh, người ngồi suy tư dung mạo nghiêm thiên là nghĩa đây vậy.

Thủ Lăng Già-na: tiếng Phạm. Đường Huyền Trang dịch là: kiên hạnh, là sức mạnh.

三麻地 Tam ma địa : Đường Huyền Trang gọi là đẳng trì, là giữ lấy các vật, cũng gọi định.



溪間 Khê gian : Ngược lại là âm khinh kê. Ngược lại âm dưới là gian cánh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nước chảy dưới sông, gọi là khe, nước chảy trong khe núi hẹp gọi là gian đều là chữ tượng hình.

响郝 Cấu hác: Ngược lại âm trên là cổ hậu. Trịnh Huyền chú giải Sách Lễ rằng: cấu là đường dẫn nước thông ra sông. Gọi là cống rộng bốn thước, sâu bốn thước, gọi là cấu. Ngược lại âm dưới là ha các. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: hác là khe, hang, hốc, vực. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hác lang trống rỗng. Quách Phác chú giải rằng: gọi là hố sâu, cái hào bao quanh, cũng gọi là vùng đất hoang vu. Sách Thuyết Văn cho rằng: hác cấu là cống rãnh dẫn nước. Chữ viết bộ hác đến bộ thổ.

古匱 Cổ độc: Ngược lại âm trên là cổ. Lại cũng là âm dã. Nay lấy âm trên là cổ. Sách Tự Lâm cho rằng: trong bụng có trùng. Loại trùng gây bệnh hại người. Chữ viết từ bộ mãnh đến bộ trùng. Chữ hội ý.

災橫 Tai hoành: Ngược lại âm trên là tế lai. Theo Tả Truyện cho rằng: khi mà trời phản trở lại gọi là tai. Bạch Hổ Thông cho rằng: tai là nói là m thương tổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ xuyên, mà chữ xuyên này có nghĩa là hại. Chữ viết bộ nhất đến bộ ung đến bộ xuyên hoặc là viết từ bộ hỏa viết tai. Kinh văn viết tai cũng là văn thông dụng thường hay dùng.

柎械 Nữ giới: Ngược lại âm trên là lạc liễu, hoặc là viết nữ này. Ngược lại âm dưới là hài giới. Nắm vật trong tay gọi là nữ. Trong chân gọi giới. Giới là cái cùm, gông cùm, cùm chân gọi là giới. Cho nên chất là nơi đất. cốc đó là cùm nơi tay, cũng là giới là chỗ gọi là bảo với trời lấy đây mà nói thì nữ không ắt nơi tay, mà giới không ắt biến khắp nơi chân, chữ, nữ giới. Chất cốc, già tỏa. Gọi chung là gông cùm xiềng xích trói buộc theo lời nói thông dụng. Âm chất là âm chất, âm cốc là âm cốc từ bộ cáo.

伽鑠 Già tỏa: Âm trên là da, âm dưới là tảng quả. Theo văn Tự Tập Lược cho rằng: cổ bị đeo cái gông, nên khiến cho không được tự tại. Sách Lâm Tự cho rằng: Tỏa là liên hoàn với nhau. Theo văn Tự Tập lược cho rằng: liên kết thành một vòng tròn. Câu thúc thân lại bó buộc thân lại. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kim thanh tỏa.

儼繫 Liễm hệ: Ngược lại âm trên là cấm nghiễm. Giải thích tên gọi là liễm là cấm ngăn. Ngược lại âm dưới là kinh duệ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lê rằng: hệ là nối kết lại. Chữ viết từ bộ mịch. Chữ tượng hình.

鞭箠 Tiên thác: Ngược lại âm trên là tất miên. Sách Thuyết Văn

cho rằng: tiên là đánh, chữ viết từ bộ cách, thanh tiện, văn cổ viết tiên. Ngược lại âm dưới là khô hạt. Quảng Nhã cho rằng: thác là đánh. Sách Chu Lễ cho rằng: đánh trị tội những người giải đãi, ngã mạn, kiêu mạn, lưỡi biếng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh đạt. Văn cổ viết thác cứ kiểm. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ thác từ bộ xước thanh thác. Âm thác đồng với âm trên.

羸憊 Luy chuyết: Ngược lại âm chuyển liệt. Theo Thanh Loại cho rằng: chuyết là lo lắng, chuyết gọi là hơi ngấn.

暢滴 Sướng trích: Ngược lại âm lai lượng. Quảng Nhã cho rằng: sướng là thông suốt đạt tới giác ngộ. Sách Khảo Thanh cho rằng: trong đông vạn vật còn hàm ẩn trốn cho nên gọi là sướng. Sướng cũng gọi là thông suốt. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: sướng là ý tốt là người thiện. Chữ viết từ bộ thân thanh dương, âm dương.

癡狂 Điên cuồng: Ngược lại âm điển niên. Quảng Nhã cho rằng: điên cũng giống như là cuồng. Theo Thanh Loại cho rằng: là mắc bệnh phong, hoặc viết chữ điên này cũng thông dụng, cũng đồng.

崖岸 Nhai ngạn: Ngược lại âm trên là ngũ giai. Sách Thuyết Uyển cho rằng: bên vách núi cao hiểm trở gọi là nhai. Sách Thuyết Văn cho rằng: bên vách núi cao, chữ viết từ bộ nhai. Ngược lại là âm ngũ hạt. Thanh giai. Ngược lại âm dưới là ngã cán. Bên vách núi cao vút lại có vực sâu gọi là ngạn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: từng lớp là nhai ngạn. Quách Phác chú giải rằng: hai vách núi liên kết lại là ngạn.

顛墜 Điên trụ: Ngược lại âm đình kiên. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: điên cũng giống như chữ trụ vậy. Nghĩa là đổ ngã ập xuống. Hoặc là viết từ bộ nhơn viết thành chữ điên. Ngược lại âm dưới là trường loại. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ trên cao rơi xuống.

Tốt xá giá quỷ: Đường Huyền Trang giải thích rằng: loại quỷ ăn máu thịt. Tức là loại quỷ La sát.

布單那 Bố-đơn-na: Đường Huyền Trang giải thích rằng: Loài quỷ quái là m ra tai nạn, hoặc là cùng với người, sùng bái loài súc sanh.

Cưu-bàn-trà: Trong kinh hoặc là viết bàn trà, là chuyển thanh. Đường Huyền Trang dịch là: loài quỷ Đông Qua nói rằng cái mặt giống như trái bí đao hoặc là cái bụng của nó giống như trái bí đao.

Yết-trà-bố-đản-na quỷ: âm trá, ngược lại là âm trích da. Đường Huyền Trang nói rằng: kêu là con quỷ nó là m thao tác tai họa quái vị. Âm thao ngược là âm tăng đao.

Hấp tinh khí: trong kinh văn hoặc là có viết háp, Ngược lại âm hư cấp. Sách Thuyết Văn nói rằng: hấp là hút nhập vào trong hơi thở nghĩa

là hít vào.

Yểm đảo: Ngược lại âm đảo lão. Tự Lâm cho rằng: đảo đó là báo cáo việc cầu phước. Quảng Nhã cho rằng: đảo đó là lời tạ ơn, chữ viết từ bộ thị âm thị là kỳ.

Căn tu: Ngược lại âm tương du hoặc là viết chữ tu này.

Áo-xà-ha-lạc quý: Đường Huyền Trang nói rằng: là con quỉ hấp tinh khí.

Diễm ma vương: Ngược lại âm trên là diễm nhiễm. Đường Huyền Trang cho rằng: hoặc gọi là khả bố úy cũng tên là thâm nặng tịnh tức hoặc nói là: bình đẳng kế sau đó là kinh Địa Tạng Bồ tát Đà-la-ni, trong bốn kinh vốn là xưa dịch, hoặc là có âm không tương đương chính xác, dùng chữ khác lạ. Nay tự thọ trì bốn tiếng Phạm, bởi vì sửa chữa âm nghĩa phải dựa bốn văn. Lại dịch theo tiên đoán, bản Phạm văn đó xin mời, xem lại chữa giáo chính, trước và sau hai bản dịch mới biết xác thật chân mật nghĩa, nên nói rằng như vậy.

Nang mạc: dẫn đến la. Chữ la lấy thượng thanh, bao gồm chuyển lưỡi đọc tức là hải vậy. Đát nang, hai âm hợp. Đát la, hai âm hợp da - dẫn tới chữ đã một âm. Na-mạc-a, khứ - dẫn ly đã. Hai âm hợp, chữ ly trên chuyển lưỡi đọc thanh hai âm. ngật sử, hai âm hợp để, Ngược lại âm đình dị. Nghiệt bà, khứ - dẫn. Đã tâm, tam mạo - dẫn địa tát đát phước, hợp ba âm - dẫn đã. Ma hạ - dẫn tá-đát-phước tam hợp - dẫn đã, ngũ ma-hạ - dẫn ca - dẫn lỗ nỉ. Ngược lại âm nặc chỉnh. Văn sau đồng ca - dẫn đã, lục đát nhĩ đã. Hai âm hợp lại tha, khứ - dẫn. Thất ngật tham, hai âm hợp. Ngược lại âm dưới sở cảm, chữ chánh thể viết từ bộ sam. Hưu, cứu A, khứ - dẫn ca - dẫn xá ngật tham, hai âm hợp mưu, thập phước ca-la-ngật tham, hai âm hợp, thập nhất (mười một) ám ma. Ngược lại âm mạc khả la-ngật tham hai âm hợp. Mưu (mười hai). Phệ, ngược lại âm phì phế - dẫn. La-ngật tháp, nhị hợp mưu (mười ba). Phước-nhật-la, nhị hợp ngật tham, nhị hợp, mưu (mười bốn). Lộ - dẫn ca-ngật-tham, nhị hợp, mưu (mười lăm). Đạm ma, âm mũi. ngật tham, nhị hợp mưu (mười sáu). Tát-đề-dã, nhị hợp ma, âm mũi ngật tham, nhị hợp mưu (mười bảy). Tát-đề-dã, nhị hợp mưu (mười tám). A, thượng minh, ngược lại âm minh dật, âm dưới đồng, đề-dã, nhị hợp (mười chín). Nhĩ dật, nhị hợp, hạ - dẫn la, chuyển lưỡi đọc thượng thanh, ngật tham, nhị hợp (hai mươi) (T418). Nhĩ đã, nhị hợp, mưu (hai mươi một). Ngật sái, nhị hợp ma, âm mũi, ngật tham, nhị hợp mưu (hai mươi hai). Ô-bả-xá-ma-ngật-tham, nhị hợp, mưu (hai mươi ba). Năng-dã năng-ngật, tham, nhị hợp, mưu (hai mươi bốn). Bát-la, nhị hợp, chỉ phương, nhị hợp

dẫn, tam, khứ thanh. Mẫ-đễ, ngược lại âm đình dĩ, dẫn la, chuyển lưỡi đọc nã âm mũi. Tham, nhị hợp, mưu (hai mươi lăm). Ngật sái, nhị hợp, mưu (hai mươi sáu). Vĩ thất dần, ly dã, nhị hợp, ngật tham, nhị hợp, mưu (hai mươi bảy). xá - dẫn sa đóa, nhị hợp, phước tham nhị hợp. mưu (hai mươi tám). Nhĩ dã, nhị hợp, A, khứ - dẫn tố lai, ngược lại âm trích giai (hai mươi chín). Ma tứ, ngược lại âm hình dị, âm dưới đồng lê - dẫn (ba mươi). Na-mễ-xả-mê (ba mươi mốt). Nhị hợp, tổng (ba mươi hai). Tác-ngật-la, nhị hợp ma âm mũi, tử, ngược lại âm tinh dĩ, văn dưới đồng, địch, chuyển lưỡi đọc (ba mươi ba). Ngật sử, nhị hợp. Địch tứ địch (ba mươi bốn). Già la, nhị hợp sa-ma-la bát-la, nhị hợp. Bệ (ba mươi lăm). Tứ địch, dẫn bát-la, nhị hợp bệ (ba mươi sáu). Bát la, nhị hợp tát, ngược lại âm tán lạt, la miết, chuyển lưỡi đọc đa, thượng thanh ninh (ba mươi bảy). Bà la tả tả tả tả (ba mươi tám). Tứ lê nhĩ lê (ba mươi chín). Yết tha thác khiết (bốn mươi) thác khứ ngược lại âm tụ vu lô thác địch, chuyển lưỡi đọc (bốn mươi mốt). Âm mũi, dẫn trái, ngược lại âm trạch giới, đơn, ngược lại âm đa cố, dẫn trái (bốn mươi hai), cự lê nhĩ lê (bốn mươi ba). Ảnh cự tử đóa, dẫn (bốn mươi bốn). A thượng thanh lý nghi, ngược lại âm mịt dĩ, lị (bốn mươi lăm). Bả-la-dẫn nghi ly (bốn mươi sáu). Cự-trá-chiêm-ma-lê (bốn mươi bảy). Nông, ngược lại âm nhược giảng, văn dưới đồng nghê nung nghê (bốn mươi tám). Nông, dẫn ngu, ngược lại âm ngu cự. lê (bốn mươi chín). hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ (năm mươi). Cự lỗ thốt đở, nhị hợp nhĩ địch (năm mươi mốt). Nhĩ lị đệ (năm mươi hai). Nhĩ lị trái, ngược lại âm trạch mại (năm mươi ba). Bàn nả, thượng thanh, đà (năm mươi tư). Hạ la tư lợi (năm mươi lăm). Hộ lỗ, hộ lỗ, hộ lỗ, chuyển lưỡi đọc lô (năm mươi sáu). Tát-phước - dẫn la-tha nhị hợp, vĩ thú - dẫn đà minh sa phước, nhị hợp, dẫn hạ - dẫn (năm mươi bảy). Ca-ly-du - dẫn phát-vĩ-thú, dẫn đà-minh sa-phước, hai âm hợp - dẫn, hạ - dẫn (năm mươi tám).

Lỗ-sái-ma, âm mũi nặc vĩ thú - dẫn. Đà ninh sa phước - nhị hợp - dẫn hạ, dẫn (năm mươi chín). Ca-lỗ-sa-ma-hạ - dẫn - nạp-bộ, hai âm hợp - dẫn, đa (sáu mươi). Vĩ thú - dẫn đà ninh (sáu mươi mốt). Ca-lỗ-sa-áo-nhạ, ngược lại âm tàn hoàn, vĩ thú - dẫn (sáu mươi hai). Đà-ninh-sa-phước, hai âm hợp - dẫn hạ (sáu mươi ba). Tát phước - dẫn. La-tha, nhị hợp, bả-lị-bố - dẫn la-ni-sa-phước, nhị hợp dẫn - hạ - dẫn (sáu mươi tư). Tát-phước-tát-tả (sáu mươi lăm). Tam, khứ dẫn bá - dẫn. Mã-ninh-sa-phước, nhị hợp dẫn, dẫn (sáu mươi sáu). Tát-phước-đát-tha, khứ thanh - dẫn. Nga-đa (sáu mươi bảy). địa sắc sĩ, nhị hợp đế-sa-phước nhị hợp - dẫn. Hạ - dẫn (sáu mươi tám). Tát phước mạo - dẫn tát-đát-phước,

nhị hợp (sáu mươi chín). Địa-sắc-sĩ, nhị hợp đa (bảy mươi). A thượng thanh, nổ, âm mũi. mộ – dẫn nhĩ. Ngược lại âm nê-dĩ. đế-sa phước, nhị hợp – dẫn hạ dẫn (bảy mươi một câu thần chú).

馳騁 Trì sính. Ngược lại âm dưới là lại đĩnh. Tả Truyện cho rằng: trì là mặt trái và phải. Đỗ Dự cho rằng: trì là chạy, Quảng Nhã cho rằng: sính là phi nhanh, ngựa phi nhanh.

Kinh được: Ngược lại âm dương quân. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: được là vụt qua mau chóng. Quách Phác cho rằng: vội vàng mau lẹ, Quảng Nhã cho rằng: được là nhảy qua.

-----

## KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 2

劬勞 Cù lao: Ngược lại âm trên là cụ ngu. Sách Khảo Thanh cho rằng: cần cù, siêng năng. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: cù cũng giống như chữ lao. Chữ viết từ bộ lực thanh ai. Ngược lại âm dưới là lão đao. Sách Chu Lễ cho rằng: là m công việc gọi là lao. Sách Tự Thư cho rằng: lao là mỗi mệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng sức lực đó là lao. Chữ viết từ bộ lực đến bộ lao. Thanh tĩnh.

Duy nhiên: Ngược lại âm trên là duy quý. Sách Lễ Ký cho rằng: cha gọi đến không đáp là nặc, mà các bậc tiên sinh gọi đến cũng không đáp là nặc (tức vâng, ư) mà phải đứng dậy đáp là duy. Trịnh Huyền chú giải rằng: duy là từ cung kính, còn nặc thì là chậm chạp mà coi thường. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu thanh duy.

乘馭 Thừa ngự: Ngược lại âm ngự cứ. Sách Thượng Thư cho rằng: giống như hủ tố điều khiển chiếc xe sáu con ngựa. Cố Dã Vương cho rằng: gọi là chỉ huy điều khiển con ngựa. Sách Chu Lễ cho rằng: nắm giữ tám cán đao, theo lệnh vua, điều khiển quân, một gọi là tước, hai gọi là lộc, ba gọi là dữ, bốn gọi là trí, năm gọi là sanh, sáu gọi là đoạt, bảy gọi là phế. Tám gọi là chu. Sáu nghề, nghề thứ từ gọi là điều khiển. Sách Thuyết Văn cho rằng: là m nghề điều khiển. Sách Thuyết Văn cho rằng: là m nghề điều khiển ngựa, chữ ngự này là văn cổ, cũng viết chữ ngự này, từ bộ xước đến bộ ngự. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mã thanh xoa, chữ hội ý, âm ngự ngược lại âm tinh dạ, âm xước ngược lại âm sửu xích.

欺凌 Khi lăng: Ngược lại âm lực trùng. Sách Ngọc Thiên cho rằng:

xâm phạm khinh nhờn. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ lăng là vượt qua, chữ viết từ bộ truy, thanh lục, văn cổ viết chữ lục.

誣网 Vu võng: Ngược lại âm trên là vũ phu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: là khinh khi nói bậy. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: không phải là pháp của Tiên vương. Gọi là đưa lên cộng thêm tội để giết chết kẻ tội đồ gọi là vu. Lại cũng gọi là lấy ác làm thiện gọi là vu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: vu là nói dối, lại gọi là nói việc không tin, gọi vu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói thêm vào, chữ viết từ bộ ngôn, thanh vu. Ngược lại âm dưới là vũ mang. Sách Luận ngữ cho rằng: Người quân tử có thể khinh khi nhưng không thể lừa dối dung hòa với con ngựa đực. Lại chú giải rằng: không thể nói dối, vu không được. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: võng là không có. Sách Thuyết Văn cho rằng: võng là lưới vong đang vào nhau, chữ viết từ bộ mịch âm mịch là âm mịch.

Kiểu loạn: Ngược lại âm khương yêu cũng viết từ bộ thủ viết thành chữ kiêu, kiêu là lừa dối không chân thật, nói lời lừa dối gạt không chân thật, nói lời lừa dối gạt gẫm người khác. Âm dưới văn cổ viết chữ loạn này.

籌策 Trù sách: Ngược lại âm trên là trường lưu. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Trù là tính toán. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: trù là cái mũi tên. Sách Sử Ký cho rằng: mượn trước thẻ tre là m sừ trù tính cho vua, cũng gọi là vận dụng kế sách mưu kế, cũng gọi là bện tre làm màng sáo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trúc. Thanh trù, ngược lại âm dưới là sở cách hoặc là viết chữ sách này. Theo Thanh Loại cho rằng: sách là mưu tính kế sách. Trịnh Huyền cho rằng: cái thẻ tre, cũng gọi là bàn toán. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa triệu đại bắc yển, nước Tiên Liệt, gọi là những hạt châu bằng gỗ nhỏ tròn làm bàn toán để tính, dùng là m phép tính toán. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: sách là tính toán. Tự Thự cho rằng: sách là mưu tính kế sách. Khổng Tử cho rằng: tiên liệu dự tính trước bày ra mưu kế, hoặc là viết chữ sách này. Chữ viết từ bộ thủ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc, đến bộ thúc âm thúc là âm thử tư, âm giáp là âm giáp này, cũng từ bộ trúc.

稟性 Bẩm tính: Ngược lại âm trên là bỉ cảm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bẩm là thọ nhận. Quảng Nhã cho rằng: bẩm cùng nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: ban tặng ngũ cốc, chữ viết từ bộ hòa tâm hanh bẩm, âm bẩm, ngược lại âm lực cảm.

嫡子 Đích tử: Ngược lại âm trên là đình lịch. Sách Tự Thư cho

rằng: đích là vợ chánh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đích là con trưởng. Công Dương Truyện cho rằng: đích là con của phu nhân, gọi là đích tôn, không phải chữ đích này vậy.

珥璫 Nhĩ đang: Âm trên là nhĩ, âm dưới là đáng. Giải thích tên gọi là hạt châu xuyên qua tai gọi là đang. Chữ tượng hình.

Tăng cái: Ngược lại âm trên tăng đán hoặc viết tăng chữ cổ, dùng đồng với chữ tăng, tức cây dù che mưa. Chữ viết từ bộ mịch đến bộ nhục, thanh lâm.

Khấu kích: Ngược lại âm trên là khang cấu. Quảng Nhã cho rằng: là nắm giữ trong tay. Ngược lại âm dưới là kinh diệc. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: khấu là đánh, gõ.

San hô: Ngược lại âm trên là tăng an, âm dưới là hồ. Tên vật báu, vật báu này sản xuất nước ngoài, trong biển lớn màu đỏ, trong suốt, hình nó giống như sừng con nai, có nhánh tỏa ra, có cựa, lớn cao hơn một thước, nhỏ đó cao khoảng mấy tấc, tên gọi là cây san hô, hoặc là cắt ra lấy là m những hạt châu nhỏ.

Lưu ly: Âm trên là lưu, âm dưới là ly. Vật báu màu xanh, cũng có giả có thật. Thật đó khó được, giả đó sản xuất ở nước ngoài, tức là nước này luyện đá nhuộm là m năm màu sắc.

羯烙伽孫馱 Yết-lạc-ca tôn-đà: Đường Huyền Trang nói rằng: thành tựu tốt đẹp là trong hiền kiếp. Ban đầu là Phật xuất thế.

Ca-diệp-ba: Đường Huyền Trang dịch là đại ảm quang là trong hiền kiếp, tên của vị Phật thứ ba gọi là Ca-nhiếp.

羯諾伽侖尼 Yết-nặc-ca Mâu-ni: Đường Huyền Trang nói là: kim tịch tịnh, là trong tiền kiếp, vị Phật thứ hai tên là Câu-na-hàm.

奢麻他 Xa-ma-tha: Đường Huyền Trang gọi là chỉ, tức là dừng lại.

毘鉢舍那 Tỳ-bát-xá-na: Đường Huyền Trang tịch là quán, tức là quán sát.

Di-lê-đa: Ngược lại âm trên là biên kiết, âm kế là lệ, chữ này hoặc là chuyển lưỡi đọc. Tiếng Phạn tên là loài quỉ, tên là ngã quỉ.

Liêu tá: Ngược lại âm trên là lịch biêu. Trăm người đồng làm quan gọi là liêu.

A-kíp-ma: Âm kíp, ngược lại âm kiềm nghiệp. Tiếng Phạn, Đường Huyền Trang gọi là truyền giáo.

A-tỳ-đạt-ma: tiếng Phạn, tên của bộ luận. Đường Huyền Trang cho rằng: trong bộ luận này nói rất rộng, cũng gọi tên là thắng thuyết, hoặc gọi là dị thuyết.

軌範 Quĩ phạm: Ngược lại âm trên là quy chương. Quĩ là cái trục xe, phạm là pháp tắc, văn trước đều đã giải thích đầy đủ rồi.

氙簿 Tiên bạc: Ngược lại âm trên là tương diễn, hoặc là viết tiên này. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: xem xét, sửa chữa chỗ còn thiếu sót.

縶恤 Chấn tuất: Ngược lại âm chi dẫn. Cứu giúp người nghèo, người bị tai ương. Đỗ Dự cho rằng: phân phát của cứu giúp. Ngược lại âm dưới là tuần duật. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: chấn tuất là lo lắng thương xót cứu giúp cho người nghèo.

謫罰 Trích phạt: Ngược lại âm trên là trá cách. Tam Thương cho rằng: khiển trách. Sách Phương Ngôn cho rằng: giận dữ, Quách Phác cho rằng: oán trách. Ngược lại âm dưới là phiến miệt, chữ viết từ bộ đao đến chữ ngôn, chữ hội ý.

Lương lệ: trên là hận, âm dưới là cấn lệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cấn gọi là không nghe theo. Sách Ích pháp cho rằng: không sám hối lỗi trước gọi là lệ. Chữ viết từ bộ hộ tranh khuyển, chữ hội ý.

驅儘 Khu tẩn: Ngược lại âm bi ấn. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: tẩn là trừ bỏ đi. Sách Sử Ký cho rằng: cùng nhau bài trừ, đuổi đi là vậy, chữ viết từ bộ thủ thanh tân.

折泐 Chiết phục: Ngược lại âm trên là chương nhiệt. Âm dưới là phục chữ viết từ bộ khuyến đến bộ nhơn, chữ hội ý.

嘉餚 Gia hào: Âm hào, văn thường hay dùng. Chữ Chánh Thể viết là hào. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hào là loại thịt ướp. Cố Dã Vương cho rằng: phàm là chẳng phải loại ngũ cốc, mà ăn được gọi là hào. Gọi là đậu, thật ra là loại thịt ướp muối, hoặc là dưa muối. Ướp thịt, để nhiều ngày không hư, Khảo Thanh cho rằng: thuộc loại, thịt phơi khô dưa muối phơi khô, thịt bày ra mỡ ra ướp đậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: có chất đậm, chữ viết từ bộ nhục thanh hào.

猜貳 Sai nhị: Ngược lại âm trên là thương lai. Quảng Nhã cho rằng: sai là lo sợ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: sai đoán ra, suy đoán, nghi ngờ. Sách Phương Ngôn cho rằng: hận, chữ viết từ bộ khuyến chữ hình thanh. Ngược lại âm dưới là nhị. Theo Tả Truyện cho rằng: là m quan mà không dám nói gọi là nhị. Đỗ dự chú giải rằng: nhị là là m trái lịnh. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: cũng gọi là nghi ngờ. Chữ viết từ bộ nhị đến bộ bối thanh nhị. Văn cổ viết chữ nhị này.

疇賜 Trù tứ: Âm trên là trực lưu. Trong bài tựa âm nghĩa trước đã giải thích rồi.

瑜伽 Du-già: Ngược lại âm trên là du chu. Tiếng Phạn. Đường



Huyền Trang giải thích là tương ứng. Đây tức là nghĩa thứ nhất, lại còn có nghĩa nữa còn trong bản tiếng Phạn.

耽染 Đam nhiễm: Ngược lại âm trên là đáp hàm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ đúng hợp nên viết chữ đâm. Sách Thượng Thư cho rằng: chạy theo vui thú, ham thích vui. Khổng An Quốc chú giải rằng: quá vui thích gọi đâm. Mao Thi Truyện cho rằng: Than ôi! Người con gái không cùng với kẻ sĩ đâm mê. Văn thường hay dùng viết từ bộ thân viết thành chữ đâm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh kham.

戍羅 Thú-la: Ngược lại âm du chú. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thú là trấn giữ, ngăn chặn. Quách Phác chú giải rằng: chữ thú là chỗ ngăn chặn kẻ trộm, kẻ giặc cướp. Sách Thuyết Văn cho rằng: phòng thủ biên cương. Chữ viết từ bộ như đến bộ qua. Ngược lại âm dưới là lạc-hạ. Sách Khảo Thanh cho rằng: la là ngăn trở, che đi tuần binh, ngăn kẻ phản nghịch vậy.

舍羅 Xá-la: tiếng Phạn. Đường Huyền Trang giả thích là cái lười của con chim.

Phủ soạn: Âm trên là phủ là chánh thể, âm dưới là soạn. Khổng An Quốc chú giải sách Quốc ngữ rằng: soạn là thức ăn uống ngon.

大坑 Đại khanh: Ngược lại âm khổ canh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khanh là gò đất cao lớn, đất hoang. Thiên Thương Hiệt cho rằng: là hào bao quanh, cái hầm lớn, chữ viết từ bộ thổ thanh kháng.

Hoặc thối: Ngược lại âm tha lồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: xô, đẩy ra.

Tán buộn: Ngược lại âm trên là tắng tán. Ngược lại âm dưới bồn muộn. Văn thông dụng cho rằng: rác bụi gọi là buộn, hoặc là viết buộn này dùng cũng đồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: bụi trần, chữ viết từ bộ thổ thanh phần.

姪慾 Dâm dục: Ngược lại âm trên dữ chiêm, chữ tóm tắt cho rằng: buông thả phóng túng. Quảng Nhã cho rằng: Làm trò vui, buông thả bữa bãi. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: dạo chơi vui đùa sách Thuyết Đồng với Thống Tự cho rằng: chữ viết từ bộ nữ thanh dâm, âm dâm đồng với âm trên, từ bộ trảo đến bộ nhậm. Trong kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ dâm này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là dung tức. Sách Khảo Thanh cho rằng: là tình cảm chỗ đưa đến ham thích. Chữ viết từ bộ tâm.

悲河 Bi hà: Ngược lại âm trên là bỉ bì. Trịnh Huyền cho rằng: chỗ chứa nước gọi là bì. Chữ viết từ bộ phụ thanh bì, âm phụ là âm phụ.

Trì chiếu: Ngược lại âm chi nhiều. Sách Thuyết Văn nói rằng:

chiếu là tên gọi khác của cái ao vậy.

Hiểm trở: Ngược lại âm trên là khảm liễm. Âm dưới là trang sở.

头鼠 Đầu thoán: Ngược lại là âm thương loạn. Sách Quảng Nhã cho rằng: Thám là ẩn nấu, bỏ trốn. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: thoán, che giấu, ngậm bên trong. Sách văn tự điển nói rằng: che khuất, chữ viết từ bộ huyết đến bộ thoán. Chữ hội ý.

乳哺 Nhũ bộ: Ngược lại âm bổ mộ. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: bú sữa ngậm trong miệng, mà đạo chơi. Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: cho ăn, nhai thức ăn trong miệng, đưa trẻ nhai thức ăn trong miệng. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhai nghiền ngậm, chữ viết từ bộ khẩu thanh bộ.

按摩 An-ma: Ngược lại âm trên là an thả. Chữ ma nghĩa là lấy, nắm giữ. Thanh khứ. Phàm là con người tay chân tự co duỗi, tự xoa bóp, trừ bỏ đi sự lao nhọc phiền muộn gọi là dẫn tới con đường tự do mà đi. Nếu để cho người khác cầm nắm ấn xuống thân thể của mình, hoặc là chà xát, hoặc là nắm bóp, tức gọi là xoa bóp đó là còn bị ràng buộc vậy.

棲泊 Thê bạc: Ngược lại âm trên là tiên hề. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thê tức là dừng lại nghỉ ngơi, lưu lại. Quảng Nhã cho rằng: lưu lại nghỉ ngơi, cũng gọi là ở trong rừng cây. Chữ đúng viết từ bộ thê, đến bộ mộc, viết thành chữ thê. Trong kinh văn viết từ bộ Á, viết thành chữ thê là văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chim ở trong ổ, chữ tượng hình viết thê. Văn cổ gọi là chữ Á. Tức mặt trời đã ngã về hướng Tây cho nên con chim dừng lại đậu trên cây nghỉ ngơi. Cũng cho rằng từ đó mà có chữ đông và chữ tây. Ngược lại âm dưới là bàng mạc. Sách Sở Từ cho rằng: giống như con chim từ đất Lãng dương đến dừng lại uống chút nước rồi bay gọi là thê bạc. Vương Dật chú giải rằng: bạc cũng giống như là dừng nghỉ. Nước ngừng chảy gọi là bạc.

遞相 Đệ tương: Ngược lại âm trên là đề lễ. Sách Khảo Thanh cho rằng: đệ là thay thế. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đệ là thay phiên nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: đệ là thay đổi, hoặc là viết đệ này là văn thường hay dùng.

捶楚 Chùy sở: Ngược lại âm giai nghiệt. Sách Quốc ngữ cho rằng: sai khiến đánh đập bằng roi. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng cây gậy mà đánh, gõ. Chữ viết từ bộ thủ thanh thù, hoặc là viết từ bộ mộc cũng thông dụng, hoặc là viết từ chữ trích, nghĩa là chọn lựa, ngắt, hái bẻ. Ngược lại âm dưới là sơ sở. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Sở là tên của loại cây. Chữ viết từ bộ lâm thanh sơ, âm sơ lại là am sơ âm sở.

囹圄 Linh ngữ: Ngược lại âm trên là lịch đình. Ngược lại âm dưới là ngư cử. Là tên của nhà tù nhà lao ngục. Sách Chu Lễ nói rằng: bắt đầu từ đời vua thứ ba là đã có nhà lao ngục. Giải thích tên gọi là linh đó là thống lãnh. Ngữ là chế ngự ngăn ngừa. Gọi là thống lãnh người tù tội, ngăn cấm người từ nhân. Sách Thuyết Văn cho rằng: linh là nhà lao tù. ngữ là cầm giữ, chữ ngoài là tượng hình, bên trong là hình thanh.

U chấp: Ngược lại âm trên là ấu do. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: U là tối tăm, không sáng suốt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nhỏ, vi tế, sâu xa. Sách Thuyết Văn cho rằng: u là ẩn nấu. Chữ viết từ bộ sơn trong dữ. U âm u đồng với âm trên. Từ hai chữ yêu, âm yêu, ngược lại là âm y diêu. Ngược lại âm dưới là trâm lập. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chấp là bó buộc cái chân lại. Theo Cốc Lương Truyện cho rằng: hai chân không cùng bước qua được gọi là bị bó buộc. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ mịch, thanh chấp.

Âu kích: Ngược lại âm trên là âu khấu. Sách Sử Ký ghi rằng: Ngạc nhiên muốn đánh gõ. Sách Hán Thư ghi rằng: quan tàn bạo, đánh đập đến trọng thương. Quan Thị Lang, sách Thuyết Văn ghi rằng: đánh đập bằng chày, bằng gậy. Chữ viết từ bộ chi thanh âu. Ngược lại âm dưới là kinh diệc. Cố Dã Vương cho rằng: cũng giống như là đánh đập. Sách Trang Tử ghi rằng: đánh mà còn giữ lại con đường. Tư Mã Bưu cho rằng: cần phải đánh dạy bảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ chi đến bộ thủ, thanh kích, âm kích đồng với âm trên.

Đam miện: Ngược lại âm miện biến. Sách Khảo Thanh cho rằng: say sưa trong men rượu. Sách Thượng Thư ghi rằng: vui với men rượu phóng dãn. Khổng An Quốc chú giải rằng: chìm đắm trong sự say rượu, là m cho con người gây nhiều tội lỗi quá mức độ.

Kết phần: Ngược lại âm phân vấn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Phần là tức giận tràn đầy căm phẫn, âm phần là âm phân.

Đống tệ: Ngược lại âm trên là đôn độn. Sách Khảo Thanh cho rằng: khó khăn cùng khổ, khốn đốn cùng cực. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầu cúi xuống sát đất, chữ viết từ bộ hiệt, thanh đốn. Trong kinh văn viết chữ đốn này là văn thường hay dùng, hoặc là viết chữ đốn này. Ngược lại âm dưới là tỳ duệ. Sách Khảo Thanh cho rằng: hư hoại, kém, liệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: bù đắp, một gọi là cái áo đã rách. Chữ viết từ bộ tệ âm tệ. Ngược lại âm tứ duệ. Trong kinh văn viết chữ tệ này là văn thường hay dùng.

Danh dự: Âm dự. Sách Khảo Thanh cho rằng: danh xưng tốt đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: danh xưng. Chữ viết từ bộ ngôn thanh dữ.

Khóa vương: Ngược lại âm khoa hóa. Giã Quy chú giải sách Quốc ngữ rằng: khóa cũng giống như là đoạn ra vậy. Sách Khảo Thanh cho rằng: lui lại ngời xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: vượt qua chữ viết từ bộ túc thanh khóa âm khóa, Ngược lại âm khẩu quả, từ bộ đại, đến bộ vu viết thành chữ khóa này là chẳng phải. Ngược lại âm khô hộ. Khóa này nghĩa là ngời xồm chẳng phải nghĩa trong kinh. Ngược lại dưới là chữ vương, thanh khứ. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trong thiên hạ còn có chỗ để quay về, qua lại, dạo đi trong thiên hạ.

Hằng cùng : Ngược lại âm trên là cang đặng. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: hằng là xa xôi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hằng là biến khắp. Sách Phương Ngôn cho rằng: còn mãi lâu dài, hoặc là viết từ bộ mộc viết thành chữ hằng này. Sách Thuyết Văn viết từ hai bộ nhựt viết thành chữ hằng. Thời nay có chỗ không dùng hằng này là chữ cổ. Sách Dĩnh Thư viết bộ nhựt, đến bộ nhị.

Viên cập: Ngược lại âm viễn nguyên. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: viên là nói rằng, bền, rồi. Sách Khảo Thanh cho rằng: đối với, nơi đó là lời nói phát ra, nói thẳng. Sách Thuyết Văn cho rằng: dẫn dắt, chữ viết từ bộ trảo thanh vu. Âm biểu, ngược lại âm phi biểu. Ngược lại âm dưới là chữ cập. Sách Thuyết Văn cho rằng: cập là đến kịp lúc, chữ viết từ bộ nhơn đến bộ liễu, văn cổ viết chữ cập này.

A-nhược-đa: Âm nhược. Ngược lại âm nhi giả, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang nói là giải thoát, cởi mở ra.

Kiều-trần-na: Cũng là tiếng Phạn, là họ của một vị Tỳ-kheo. Nếu giải thích ra là rất sáng sủa, rực rỡ, tốt đẹp. Cũng gọi là đức tánh tốt đẹp. Cũng gọi là họ Thiên che trùm hết tất cả. Dòng họ tộc cao quý, đức tánh hợp nhãn. Vì vậy mà lấy tên, Đức Phật đầu tiên ra đời độ cho hàng Thánh đệ tử.

Tô-bạc-đà-la: Tiếng Phạn. Tên của một vị A-la-hán. Đường Huyền Trang gọi là Thiện Hiền, là Đức Phật trong đời sau cùng, độ cho hàng Thánh đệ tử, tức là trong kinh Niết-bàn có nói là ông Tu-bạc-đà-la vậy.

Tô-thích-đa: cũng là tên của một vị A-la-hán. Đường Huyền Trang gọi là Thiện Lạc, cũng là trong giáp pháp của Đức Phật di chúc lại cho hàng Thánh đệ tử. Tức là trong Đại Tập Nguyệt Tạng kinh, ông Thích-đa-la vậy.

Minh hải: Ngược lại âm mịch bình. Sách Bốc Châu ghi rằng: núi Bồng lai đối diện biển lớn, ở phía đông bắc, bao xung quanh vách núi năm ngàn dặm. Ngoài ra các núi khác có biển viên hai bao quanh núi.

Nước trong biển viên hải có màu sắc rất đen, gọi là Minh hải, nước trong biển vọt lên không trung. Chơn kinh và Nam Hoa chơn kinh đều nói rằng: ở cuối cùng phía bắc có biển Minh hải, có các ao Thiên trì, cũng có các loại chim tên điều thứu, cánh của nó che phủ bầu trời giống như là mây. Như có các núi lớn để phò trợ, mà trên chín vạn dặm. Sau này ở hướng Nam sẽ có thêm một cái biển tên là Minh hải.

-----

### KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 3

Nghi trệ: Ngược lại âm trực lệ. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: là nghi hoặc, trệ là lưu lại ngưng trệ. Sách Khảo Thanh cho rằng: chìm đắm ngưng lại. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: trệ là lâu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trệ là ngưng đọng lại, chữ hình thanh.

Khinh táo: Ngược lại âm tao cáo. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: táo là quấy nhiễu. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: táo là không an tịnh, dời đổi gọi là táo, là người từ bỏ sự tốt là nh nhiều người bạn tốt, để chuốc lấy phiến muộn đau khổ. Sách Thuyết Văn viết chữ táo này từ bộ tẩu. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ túc thanh táo.

Diễm sắc: Âm trên là diêm. Sách Phương Ngôn cho rằng: diễm là đẹp. Giữa nước Tần và Tấn thì gọi là màu sắc đẹp rực rỡ gọi là diễm. Sách Thuyết Văn cho rằng: diễm là tốt đẹp lâu dài. Trong kinh văn viết từ bộ khứ viết thành chữ diễm cũng là chữ thường hay dùng.

Ốt-đạt-lạc-ca: tiếng Phạn. Đường Huyền Trang nói rằng: hùng kiệt là người tài giỏi, tức là trong kinh nói ông Uất-đầu-lam-phát là vậy.

A-la-trà: Đường Huyền Trang nói là tự diên cự. Trong kinh nói là A-lan-ca-lan là nơi tịch tịnh, yên lặng.

Đễ-sa: Ngược lại âm đình dĩ, hoặc gọi là bổ-sa. Đường Huyền Trang gọi là quỷ túc, tức là ngày sinh của con người. Túc đây tức là mãi cho tới ngày sinh. Ở nước Tây Vực lấy ngày 28 ghi là ngày túc. Nhưng vì chỗ Thánh đến nên gọi là túc, vì vậy mà lấy là m cái tên. Trong kinh xưa nói rằng: chất số.

Cụ-ba-lý-ca: Đường Huyền Trang nói rằng: bán chủ. Xưa dịch câu ca lợi là sai vậy.

Đề-bà-đạt-đa: Đường Huyền Trang nói là “thiện thọ”.

Phi phiến: Ngược lại âm bì bi. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ở trên lưng gọi phi. Đọc cũng không đồng, âm bì là khứ thanh.

Hủ bại: Ngược lại âm phò bộ. Sách Khảo Thanh cho rằng: thịt lần lần thối rửa. Quảng Nhã cho rằng: hũ là mùi hôi thối. Sách Thuyết Văn cho rằng: đã chín như, chữ viết từ bộ nhục thanh phủ, hoặc tự bộ mộc viết thành chữ hũ.

Ngưu xạ: Ngược lại âm tha dạ. Trong kinh Sơn hải nói rằng: ở trên núi Thúy có rất nhiều con xa hương. Quách Phác chú giải rằng: giống như con hươu mà đều có mùi thơm. Trong Ngưu Tự Kinh nói rằng: con xa hương sữa của nó là m thuốc trị bệnh rất hay.

Cổ khách: Ngược lại âm trên là công ngộ. Đi mua bán gọi là lái buôn, cũng gọi là nhà buôn. Hoặc viết chữ cổ này.

Thiêu thủ: Ngược lại âm trên là thể điều. Theo Thanh Loại cho rằng: thiếu quyết nhất ra, chọn lựa. Ngược lại âm uyên quyết, chữ viết từ bộ thủ, thanh thiêu.

Mạc-đạt-na quả: tiếng Phạn. Ở nước Tây Vực gọi là tên của loại quả. Nước này không có loại trái này, nó lớn giống như trái tân na, người ta ăn quả này vào khiến cho say sưa phiền muộn, cũng tên là người ăn quả say. Loại quả này có thể chế ra các loại thuốc rất hay.

Đảo sư: Ngược lại âm trên là đương lão. Quảng Nhã cho rằng: đảo là giả đập. Sách Thuyết Văn cho rằng: đảo là nện cho cứng. Âm dưới là chữ sư đồng với chữ trong sách gọi là sư-la, là dụng cụ giống như cái sàng, cái nia là m bằng trúc để đựng thuốc đem ra phơi nắng, chữ viết từ bộ trúc thanh sư.

Chiêm-bác-ca hoa: Xưa dịch là chiêm bặc. Loài hoa này màu sắc đỏ, hương thơm ngào ngạt, mùi thơm rất lâu, giống như loại nước hoa lâu ngày.

Thiết bác: Ngược lại âm đoạn nghiệt, hoặc là viết chữ đoàn này. Theo Khảo Thanh cho rằng: bác là bắt lấy, nắm lấy. Theo sách Thuyết Văn cuộn tròn lại. Âm viên là âm viên chữ viết từ bộ thủ thanh truyền.

Duyên tích: Ngược lại âm duyệt truyền. Ngược lại âm dưới là tiên lịch. Theo sách Chu Lễ cho rằng: duyên là chất kim loại, hóa chất chì, khai thác ở tỉnh Dương châu. Trịnh Huyền chú giải rằng: tích loại que hàn, một loại hợp chất chì và thiếc dùng trong hàn xì. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tích là dẫn chì hàn. Quách Phác cho rằng: loại chì màu trắng. Nay người ta gọi là bạch chì. Theo chữ duyên tích cùng với bạch lập, ba vật thể này hòa lẫn với nhau gọi là cái tên khác, kỳ thật không phải là

một. Tích là loại màu sắc xanh đen. Lạp là màu rất trắng. duyên là màu vàng và trắng, chỗ dùng không đồng nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: duyên là xanh vàng óng ánh. Giữa tích và duyên hòa lẫn với nhau đủ có ánh sáng khác biệt vậy. (T420)

Thành biện: Ngược lại âm bành mạn. Sách Khảo Công Ký ghi rằng: trang sức đủ mầu mới lấy ra phân biệt người dân dùng là m khí cụ. Trịnh Huyền chú giải rằng: biện là đầy đủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: phân ra, phán đoán chữ viết từ bộ lực thanh biện.

Hủy mộc: Ngược lại âm trên là huy quý. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: là tên chung của một trăm loại cỏ. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa nước Ngô Dương và Hải Đại gọi loại cỏ là hủy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ ba chữ trung.

Tể quan : Ngược lại âm tai tại. Sách Chu Lễ ghi rằng: Thiên Quan gọi là Thái Tể. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tể đó là người giết heo giết gia súc. Chủ trị bá quan. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Nghi rằng: Tể là có tư chủ chánh giáo. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: là to lớn, có quyền sửa sang sắp xếp lại, chế ra các luật pháp, đoạn trừ những tệ nạn xấu. Văn cổ viết tể này.

Thô quảng: Ngược lại âm cổ mãnh. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: quảng là cưỡng bạo. Sách Thuyết Văn ghi rằng: quảng là con chó hung tợn không thể đến gần được. Trong kinh dịch là lấy ý nói là từ bỏ thô tháo, cưỡng bạo. Giống như con chó hung hãn không thể đến gần được vậy.

Liễm vấn : Ngược lại âm trên là kiếm nghiêm. Quảng Nhã cho rằng: liễm là khảo xét, xem xét. Thiên Thương Hiệt cho rằng: liễm là phương pháp để độ, lấy ý nghĩa là dựa vào giáp pháp chỉ dạy, hỏi tội khiến cho hợp phương pháp để độ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: liễm là đồng đều. Quách Phác chú giải rằng: mô phạm phương cách đồng nhau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh liễm.

Ma-đát-ly-ca: tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: bốn mẫu cũng gọi là luận.

Dung túng: Ngược lại âm túc dụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: túng là thông thả, chậm chạp, thoải mái, phóng túng, loạn, buông thả. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: buông thả. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túng thanh mịch.

Yến mạch : Ngược lại âm trên là yên kiến. Theo chữ “yến mạch” đó là mạch mà chẳng phải lúa mạch, cái mầm của nó rất yếu ớt mà không có thật, cũng giống như cây lúa có hạt nhỏ, là loại lúa ma mọc hoang có hạt rất nhỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ điều thanh yến.

Kỳ huệ: Ngược lại âm tùy tụy. Tức là trước đã giải thích chữ yến mạch, là loại bông lúa ma, chữ hình thanh.

Tiểu bạt: Ngược lại âm trên là tiên diễn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: tiểu là cây kéo, cắt bỏ. Đỗ Dư chú giải Tả Truyện rằng: là hết sạch. Sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh tiên. Ngược lại âm dưới là biện bát. Quảng Nhã cho rằng: bạt là ra khỏi. Sách Thuyết Văn cho rằng: bạt là nhổ lên, cắt lên, đề bạt, chữ viết từ bộ thủ thanh bạt.

-----

## KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 4

Pha ma: Ngược lại âm phá ma. Sách Tự Thư cho rằng: pha giống như là có hể, hoặc gọi là không có thể. Cũng viết chữ pha này.

Sa môn: tiếng Phạn nói là sai. Chánh Phạn âm gọi là thất-la-mạt-nã. Đường Huyền Trang cho rằng: siêng năng, cầu khẩn.

Thương cổ: Ngược lại âm trên là thức dương. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: đi buôn bán gọi là thương. Sách Khảo Công ký ghi rằng: tìm mua vật trân quý khắp bốn phương gọi là thương. Trịnh Huyền Chú giải rằng: gọi là người khách buôn bán, nên gọi là thương buôn, thương khác. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ bối đến bộ thương, thanh tĩnh, âm phiến, ngược lại âm phiến dương. Ngược lại âm dưới là công ngũ. Trong kinh văn viết chữ cổ là văn thường hay dùng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: ở một chỗ bán ra gọi là cổ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cổ là cái chợ. Trịnh Huyền chú giải rằng: ngồi bán ra các vật quý hiếm vật thường đắt tiền, rẽ tiền gọi là cổ. Âm nghĩa sách Hán Thư cho rằng: bán ra thì đắt mua vào để cầu lợi, có âm là da nhã, đó là chẳng phải.

Phệ lưu ly: tiếng Phạn. Tên của báu vật có màu sắc xanh. Trong kinh viết phật lưu ly, âm phật là âm phật này không đúng.

Ca-giá: âm dưới là sắc giả. Tên của báu vật giả xấu tệ chẳng phải đồ thật, tên của loại ngọc.

Kiều ngạo: Ngược lại âm trên là kiêu kiêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: khinh thường, kiêu căng. Quảng Nhã cho rằng: ngạo mạn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ngạo mạn nên gọi là kiêu. Chữ hình thanh, ngược lại âm dưới là ngã cáo. Sách Khảo Thanh cho rằng:



ngạo mạn, xem thường, phóng đãng, buông lung, hoặc viết từ bộ nữ viết thành chữ ngạo. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: khinh nhờn, ngạo mạn gọi là ngạo, chữ viết từ bộ nhơn, thanh ao.

Khôi tẩn : Ngược lại âm tịch dẫn. Lâm Tự giải thích rằng: đốt lửa cháy hết còn dư lại tro tàn, hoặc là viết chữ tẩn này cũng đồng nghĩa.

Phàm ổi : Ngược lại âm ô hồi. Sách Khảo Thanh cho rằng: bầy chó cắn người. Giải thích như vậy không đúng, là tràn ngập là nhiều. Quảng Nhã cho rằng: ổi là đông nhiều. Thiên Thương Hiệt cho rằng: ổi là phiền muộn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyển đến bộ ổi, thanh tĩnh, âm hồi ngược lại âm khôi mỗi.

Tẩn truất : Ngược lại âm tân tẩn. Sách Vận Anh giải thích rằng: tẩn là lôi kéo ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: bỏ đi, trừ bỏ đi, rơi rụng. Chữ viết từ bộ thủ thanh tân. Ngược lại âm dưới là bổng luật. Quảng Nhã cho rằng: truất là đuổi đi. giải thích Chánh Tự xưa nay cho rằng: biếm xuống, đim xuống. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: xưa cũ rồi không dùng nữa. Phạm Ninh Tập giải thích rằng: Truất là thối lui. Sách Thuyết Văn cho rằng: truất là biếm xuống, chữ viết từ bộ hắc thanh xuất, hoặc là viết chữ truất này, âm xuân ngược lại là âm lạc luân.

Tốt-đổ-ba : tiếng Phạn, gọi là tháp Cao thẳng. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa nước U Yến gọi là phàm vật ở trên cao, mà cao lớn đó gọi là phần một được xây cao gọi là tháp.

Ca-xà quốc : tiếng Phạn. Đường Huyền Trang nói là loại cỏ lau.

Niết-tiến : Ngược lại âm niệm điệp. Sách Khảo Thanh cho rằng: niết là nắn, nặn ra. Sách Thuyết Văn viết chữ thủ này. Ngược lại âm nải thiệp. Lại giải thích rằng: thủ là thấp hương niêm hương, chữ viết từ bộ thủ thanh thủ, âm thủ chữ cổ viết thủ này.

Thị siêm: Ngược lại âm siêm diêm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: siêm là đồng nhau. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: nhìn trộm. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ kiến thanh chiêm.

Loan cung : Ngược lại âm oản quan. Sách Khảo Thanh cho rằng: nắm dây cung. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: dẫn sợi dây cung, vươn dây cung ra. Sách Thuyết Văn ghi rằng: căng dây cung chuẩn bị bắn mũi tên. Chữ viết từ bộ cung đến bộ loan thanh tĩnh.

Xạ trung: Ngược lại âm trên là xà hạ là âm thạch hạ, âm dưới là âm thạch hạ, âm dưới là trung khứ thanh.

Hiệu cú: Ngược lại âm trên hiệu cao sách Nhĩ Nhã cho rằng: hiệu là tiếng chim hót. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiếng khóc lớn, âm thanh có bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: gọi to. Chữ viết từ bộ hổ thanh

hiệu. Trong kinh văn viết chữ hiệu này là sia. Ngược lại âm dưới là khổng cấu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cú là mắng nhiếc, hoặc là viết khổng cú ngư cấu; bốn chữ cũng thông dụng đều là thượng thanh. Ngược lại âm hô cấu. Theo các chữ trong sách đều giải thích rằng: tiếng chim hót. Ý trong kinh cũng bao gồm hai nghĩa : cú là mắng nhiếc, cũng gọi là không phòng ngừa, từ chữ cú nghĩa là đúng vậy.

Cánh ế: Ngược lại âm trên là cánh hạnh. Theo sách Tập Huấn giải thích rằng: cánh cũng giống chữ chữ ế. Nghĩa là nghẹn. Sách Thuyết Văn nói rằng: bị bế tắc là chỗ cái lưỡi bị ngăn chặn bị nghẹn, từ bộ khẩu thanh cánh, hoặc là viết từ bộ cốt viết thành chữ cánh, nghĩa là ăn xương mắc cổ họng, lấy hết hơi để phun ra, trong cổ họng bị mắc xương. Ngược lại âm dưới là yên kết. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trong lòng giống như bị nghẹn lại. Trong truyện cũng cho rằng: tùy theo sự ưu phiền lo nghĩ không dừng nghỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: ăn cơm bị nghẹn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh ế. Trong kinh văn cũng có viết từ bộ nhân viết thành chữ yết là chẳng phải.

Ứng tốc tháp: Ngược lại âm đàm đáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: tháp là dẫm đạp lên, chữ viết từ bộ túc, thanh tháp. Âm tháp là âm tháp.

Vô hà: Ngược lại âm hà giá. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hà là nhàn nhã rảnh rang, an tịnh. Trong kinh xưa dịch là có tám việc không nhàn hoặc gọi là tám điều khó đều là một nghĩa, chữ viết từ bộ nhựt thanh hà.

Bát-giá-la: Ngược lại âm trên là bán an. Tiếng Phạn gọi là bát-giá. Đường Huyền Trang cho rằng: tên ngũ số, cũng tên là la, là chấp đây là tên danh xưng tốt đẹp của vua một nước. Nói rằng vua nước kia tính nhiều từ ái, khi người có phạm tội chết bị gia hình, mà không chịu giết, bắt buộc trói lại năm vóc tay chân đầu, đưa vào trong rừng hoang dã mà chúc phúc tốt là nh cho người. Bởi vậy mà có quốc hiệu “Bát-giá-la”.

Khuư khoáng: Ngược lại âm khổ hoảng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Khoáng là khoáng đất hoang trống rộng, đồng trống, hoang dã bãi tha ma. Theo sách Tập Huấn cho rằng: khoáng đất rộng lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hố sâu, mộ huyết, khoáng đất trống. Chữ viết từ bộ thổ thanh quảng.

Yết-lam-già: Ngược lại âm trên kiến-yết, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: phục cang cường xứ, không cấu chữ nghĩa đại danh.

Ninh ninh phát : Âm trên là tranh. Ngược lại âm dưới là phiến hành. Chánh Tự xưa nay và văn Tự Điển nói rằng: đều là tranh Ninh Phát nghĩa là râu tóc mọc loạn, hai chữ đều từ bộ tiêu, chữ hình thanh. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ thảo.

Sở lai : Ngược lại âm lai đại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lai là của cải tài vật đem hiến tặng. Sách Thượng Thư cho rằng: cho tài sản rất lớn. Sách Nhĩ Nhã Khổng An Quốc chú giải rằng: lai là ban tặng cho nhau. Chữ viết từ bộ bối thanh lai.

Khôi quái: Ngược lại âm trên là khối hồi. Ngược lại âm dưới là cổ ngoại. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: khôi là tướng soái, thống lãnh đứng đầu, cũng gọi là sức mạnh to lớn. Sách Tập Huấn cho rằng: quái là cắt bỏ, cũng gọi là người đồ tể băm thịt nhỏ.

Dục phốc: Ngược lại âm lung giảo. Sách Khảo Thanh cho rằng: chụp bắt lấy ném xuống đất. Sách Thuyết Văn cho rằng: theo thứ tự, lần lượt. Chữ từ bộ thủ thanh phốc, âm ai ngược là âm nhất khái.

Quy phục : Ngược lại âm quỳ vị. Gọi là quỳ lại, quỳ cùng là lạy. Nghĩa là cong hai chân lại quỳ sát đất gọi là quy.

Vấn túc : Ngược lại âm trên là vấn phần Quảng Nhã cho rằng: vấn là lau chùi hoặc cũng có viết sai. Chữ sách viết là môn. Giải thích chữ này đồng với chữ môn mạc, nghĩa là sờ mó vậy.

Hỷ ngạc : Ngược lại âm ngũ các, văn thường hay dùng. Sách Khảo Thanh cho rằng: kinh ngạc, sách Vận Thuyên cho rằng: sợ hãi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ dính thể viết từ bộ tinh viết thành chữ ngạc, từ bộ tâm, đến hai bộ khẩu đến chữ tinh ngạc cũng đều thanh diệp. Trong kinh văn viết từ cái là chẳng phải vậy.

Áp dẫu : Ngược lại âm lưu giáp. Quảng Nhã cho rằng: áp là đè nén, ép. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: áp là nan tre. Sách Thuyết Văn cho rằng: hư hoại. Chữ viết từ bộ thổ, thanh yểm.

-----

## KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 5

Trầm luân : Ngược lại âm là trường lâm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trầm là chìm đắm vậy. Sách Tự Thư cho rằng: chìm dưới nước gọi là trầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước đục dơ. Trong Phạn văn bao hàm hai ý nghĩa. Lấy chữ trầm nghĩa chìm, lấy chữ luân, nghĩa

chuyển đổi, cho nên chữ dưới trong văn kinh cho rằng: luân chuyển trong ngũ thú, chìm đắm trong sông sanh tử, là nghĩa này vậy. Cho nên chữ luân viết từ bộ xa là bánh xe lăn.

Khẩu địch : Ngược lại âm trên là khẩu cấu. Quảng Nhã cho rằng: khẩu là cướp đoạt. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: cả bọn đi đánh phá cướp bóc gọi là khẩu. Theo Tả Truyện cho rằng: binh lính là m nội loạn bên trong bên ngoài gọi là khẩu. Sách Thuyết Văn cho rằng: là một đám đông cướp bóc. Chữ viết từ bộ chi đến bộ hoàn, âm hoàn đương luận là là m xong mọi việc, cũng có nghĩa kết tụ nhóm lại, cũng gọi là khẩu cướp bóc, hoàn cũng là thanh.

khản dương : Ngược lại âm trên là không yên, cũng viết chữ khản. Theo Tả Truyện cho rằng: mùa đông không có ánh nắng mặt trời đi qua. Đỗ Dự chú giải rằng: khản là đã qua đi qua, cũng gọi là mùa đông ảm áp. Văn cổ viết bốn chữ khản này đều xuất phát từ chữ khản. Sách hoằng quan viết từ bộ tâm thanh khản, chữ khản từ bộ vu, hoặc viết từ bộ tinh.

Kháng hản: Ngược lại âm khang lãng. Sách Thuyết Văn cho rằng: kháng là dùng lửa hơi sấy cho khô. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng đất là m cái giường hẹp dùng lửa hơi cho ấm gọi là kháng, chữ viết từ bộ hỏa thanh kháng, hoặc viết từ kháng này cũng đồng.

Sương bạo : Ngược lại âm lung mạc. Sách Tập Huấn cho rằng: mưa đá gọi là bạo.

Giai phiêu : Ngược lại âm thất diêu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: phiêu là cũng giống như thổi hơi bay. Quảng Nhã cho rằng: phiêu là che đậy, nổi lên mặt nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: nổi trên mặt nước rất nhẹ, chữ viết từ bộ thủy, thanh phiêu, âm phiêu đồng với âm trên, âm tệt, ngược lại âm thiên miệt.

## **HỘ QUỐC BẤT THỐI LUÂN TÂM ĐÀ-LA-NI GIẢI THÍCH KINH**

Đát-nễ-dã: Hai âm hợp lại, tha, khứ dẫn – mộ. Mẫu-nễ-mạo – dẫn địch – chuyển lưỡi đọc – hai. Mẫu mã yết lạp bế, hai âm hợp – ba. Mẫu-nễ-ngật-ly, hai âm hợp đà-duệ – bốn. Mẫu-nễ-lỗ-hạ-phê, ngược lại âm tỳ-dật tát. Ngược lại âm tán-lặc đĩnh – năm. Mẫu-na khác lật-nại, hai âm hợp – sáu mẫu-nễ-nghiệp-mễ – bảy. Thúc-ngật-la, hai âm hợp bác-ngật-sái – hai âm hợp – tám. Bát-la xả-bác-ngật-sái – hai âm hợp – chín. Phệ-la-bác-ngật-sái – hai âm hợp – mười. Là chuyển lưỡi đọc, ngột-sái, hai âm hợp ngột-ly, hai âm hợp đế – mười một. Đô-la-

nã-ngật-ly, hai âm hợp tả địch, hai âm hợp bát-đát-la – hai âm hợp. lạc-ngật-sái – hai âm hợp ngật-ly – hai âm hợp đế – mười ba. Khứ-khứ-nã, âm mũi nhĩ lê – mười bốn. Âm-phước-khất-xoa, hai âm hợp tát-dĩnh – mười lăm. A-nổ, âm mũi hạ-nghi-ly-phê – mười sáu – dẫn. Mẫu-nễ-bát-nạp-minh – hai âm hợp sa-phước – hai âm hợp – dẫn hạ dẫn – mười bảy.

Á dương : Ngược lại âm âm lưu giả. Bì Thương giải thích rằng: á là âm không nói được. Theo chữ á đó là tuy có tiếng mà nói không nên lời, lưỡi không chuyển động được, cũng gọi là chuyển cái lưỡi. (T421)

Tráng ngu : Ngược lại âm trắc giáng : Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: mới sinh ra mà đã ngu si, hôn ám rồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngu. Chữ viết từ bộ tâm thanh tráng. Trong kinh văn viết từ chữ cữu viết thành chữ tráp này là sai. Ngược lại âm sữu giáng. Giải thích nghĩa tuy đồng là ngu, nhưng giữa văn ngữ nghĩa cũng không ổn, mà cũng không lấy là m sửa đổi. Từ chữ chuyển đọc, giảng thuyết đó cần phải xem xét lại mà biết vậy.

Sử lưu : Ngược lại âm trên là sử sự. Theo sách Vận Anh cho rằng: rất nhanh, cấp tốc. Sách Khảo Thanh cho rằng: trúc mọc nhanh, rất nhanh, phóng nhanh. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ quyết viết thành chữ quyết âm quyết là chẳng phải nghĩa khác lạ, nghĩa của kinh văn vậy.

Giáng trưởng : Ngược lại âm trên là phổ bang. Ngược lại âm dưới là trưởng lượng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: giáng trưởng là trong bụng rất đầy. Sách Tự Uyển ghi rằng: đã thối rửa bụng sưng căng lên, phình lên. Chữ viết đều từ bộ nhục, chữ hình thanh.

Lạn xú : Ngược lại âm trên là lan thả. Ngược lại âm dưới là xương chú. Sách Thuyết Văn ghi rằng: loài cầm thú chạy mà biết được dấu tích là nhờ ngửi được mùi này, mà biết đường về đó là con chó. Chữ viết từ bộ khuyển đến bộ tự, chữ tự tức là văn cổ viết chữ hội ý.

Giao ngoạn : Ngược lại âm ngũ quán. Sách Thuyết Văn ghi rằng: ngoạn là thói quen.

-----

## KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 6

Tủy não : Ngược lại âm trên là tuy thử. Ngược lại âm dưới là song đáo. Âm nghĩa quyển thứ mười bảy trước. Trong kinh Di Lạc sở vấn đã

giải thích rồi.

Hung bột : Âm trên là hung. Sách Khảo Thanh cho rằng: hung ác, dọa nạt, đe dọa. Chữ viết từ bộ như ở trong chữ hung dưới là chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là bồn một. Sách Khảo Thanh cho rằng: bột là sức mạnh to lớn, hoặc là viết từ bộ viết thành chữ bộ âm bột, cũng là sức mạnh bạo ác. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn viết thành chữ bột chữ bột này giống như là loạn văn cổ viết chữ bột này. Sách Luận ngữ cho rằng: giống như là sắc bột yếu ớt. Chữ viết từ bộ tử đến bộ thị âm thị. Ngược lại âm phì vị.

Thảm lệ : Ngược lại âm trên là thương cảm. Sách Khảo Thanh cho rằng: thảm là cảm xúc, buồn thảm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thảm là buồn lo âu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ưu thảm buồn bã lo lắng. Mao Thi Truyện cũng cho rằng: thảm sâu cũng giống như lo lo buồn buồn. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: buồn thương sâu hận của người hiền. Sách Thuyết Văn cho rằng: đọc hại, chữ viết từ bộ tâm thanh thảm.

Hoặc lã : Ngược lại âm lam đảm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: lã là mất vậy.

Khẩn thiết : Ngược lại âm trên là dục nguyện. Theo sách Lễ Ký ghi rằng: cúi đầu mà sau đó mới dậy, chí rất thành khẩn. Quảng Nhã cho rằng: khẩn là thành thật. Theo văn Tự Điển nói rằng: khẩn thiết, tha thiết, hoặc là viết chữ khẩn từ bộ thanh khẩn âm khẩn, ngược lại âm khôn ẩn từ bộ thỉ thanh cần.

Cự năng : Ngược lại âm cự ngự. Thống Tự cho rằng: chưa biết mà nghi thuộc từ ngữ nghi vấn. Nói rằng sao có thể đó, cùng với từ khả năng; nghĩa là tại sao? Ý nói tại sao? Chữ hình thanh.

Hãm đoạn : Ngược lại âm trên hàm lam. Quảng Nhã cho rằng: hãm là từ trên cao rơi xuống, sa vào. Cố Dã Vương cho rằng ngã xuống, rơi vào hố sâu. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: rơi xuống chìm vào trong bùn. Sách Thuyết Văn cho rằng: trụy lạc, sa đọa. Chữ viết từ bộ phụ thanh hãm. Chữ hãm trên từ như dưới từ bộ cứu, chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là đoàn loạn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: đoạn tuyệt, cắt đứt lia. Sách Chu Dịch cho rằng: đoạn cây để là m chày. Sách Thuyết Văn cho rằng: đoạn cây trồng chữ viết từ bộ cân thanh đoạn. Văn cổ cho rằng chữ tuyệt đó là nay theo lệ sách lấy bèn có ẩn có hiện nên viết chữ đoạn là vậy.

Anh triều : Ngược lại âm trên là ích doanh. Sách Hán Thư cho rằng: là thành cố thủ. Âm nghĩa ghi rằng: tự bao vây lấy thành. Thay

thế cho hợp nghĩa viết là uynh triên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: uynh triên là bao vây, bao vòng tròn lại. Nay kinh văn viết từ bộ nữ, viết thành chữ anh, nghĩa là đưa bé gái, đưa trẻ con, chẳng phải nghĩa này vậy.

Tỏa xú : Ngược lại âm trên ràng lỏa. Quảng Nhã cho rằng: tỏa là ngắn. Sách Khảo Thanh cho rằng: tỏa là thấp lùn. Sách Thuyết Văn cho rằng: lằm lỏi, Chánh Tự xưa nay đúng thể chữ là viết tỏa này. Sách Tập Huấn cho rằng: ngắn, chữ viết từ bộ thỉ thanh tọa. Trong kinh văn viết tỏa này tuy vẫn thường hay dùng là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là trừu trừu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: xú là xấu ác. Theo chữ xú là không đoan nghiêm, tướng mạo xấu, không có đoan chánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: có thể là ác. Chữ viết từ bộ quỷ thanh đậu, âm ải. Ngược lại âm anh giải, âm thái. Ngược lại âm trang giải, âm trừu. Ngược lại âm xỉ chu. Văn cổ giải thích chữ tọa viết từ chữ từng âm từng một gọi là : theo lưu lại. Chữ viết tĩnh lược.

Chuyết nốt : Ngược lại âm trên chuyên duyệt. Ngược lại âm dưới nô cốt. Bao hàm chú giải sách Luận ngữ rằng: nốt là trì trệ chậm chạp. Có câu : người quân tử muốn thủng thẳng về lời nói mà nhanh chóng về việc là m.

Sâm lậu : Ngược lại âm trên là tham cấm. Quảng Nhã cho rằng: sâm thấm ướt hết. Tư Mã Bưu chú giải sách Tương Như Phong Thần Tụng rằng: ẩm ướt mềm nhũn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước chảy xuống ướt sũng hết, chữ hình thanh. Ngược lại âm dưới là lâu đậu. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: lậu là thấm rỉ đột xuyên qua. Cố Dã Vương cho rằng: lậu cũng giống như là chữ tiết, nghĩa là thấm ướt, thoát ra, mất mát. Sách Thuyết Văn cho rằng: ống đồng dụng cụ chứa nước đã rỉ sét, nước chảy thoát ra, để phân thời gian đêm ngày, cộng là m một trăm khắc. Sách Chu Lễ cho rằng: dùng là m như vậy nắm giữ lấy thời gian cho bá tánh. Chữ hình thanh, hoặc là viết chữ lậu này, chữ tượng hình, chữ lậu này là nghĩa nhà bị đột mưa.

Hội huyệt : Ngược lại âm tuy lôi. Sách Vân Anh cho rằng: hội là rớt xuống. Sách Khảo Thanh cho rằng: vật bị rơi xuống thấp, quái lạ, không ngay thẳng. Quảng Nhã cho rằng: hư hoại, hoặc là viết từ bộ thổ viết thành chữ hội. Trong kinh văn viết từ chữ bộ hiệt viết thành chữ đồi là chẳng phải. Chữ đồi này là nghĩa đầu trọc không có tóc gọi là đồi, đây chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Phiếm ư : Ngược lại âm trên là phương phạm. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: phiếm là nổi lên mặt nước. Sách Thuyết Văn cho

rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh phạt. Trong kinh văn hoặc có viết chữ phiếm này, cũng thông dụng là văn thường hay dùng.

Manh cổ : Âm dưới là cổ. Giải thích tên gọi là : con mắt bị mù, hố mắt bằng phẳng giống như da mặt trống, bởi vậy cho nên gọi là cổ là mù.

Thạch điền : Theo Tả Truyện cho rằng: giống như nước Tề thu hoạch ruộng đá không có chỗ dùng. Đỗ Dự chú giải rằng: thạch điền là ruộng đá không có thể cấy được.

Dinh nậu : Ngược lại âm trên là tình cao. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: dinh là nơi trú đóng của quân đội, cũng gọi là sắp xếp. Ngược lại âm dưới là nô đậu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: nậu là cây cuốc, hoặc là viết từ bộ kim viết thành chữ nậu, văn thường hay dùng là chẳng phải.

Ung khí : Ngược lại âm trên là ô cống. Tự Thư cho rằng: ung là cái chai đồ đựng chứa, cái hủ lớn.

Bi trắc : Ngược lại âm sở lực. Sách Khảo Thanh cho rằng: trắc là xót xa buồn ngủi, thương cảm, đau khổ. Sách Mạnh Tử cho rằng: nếu trong lòng không có trắc ẩn thì không phải là người vậy. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: đến chia sẻ đau khổ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm, thanh tắc, hoặc là viết trắc này là chữ cổ.

-----

## KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 7

Thảm độc : Ngược lại âm sở cảm. Chữ mượn âm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thảm là hiểu ra, tỉnh ra, ghét bỏ. Sách Khảo Thanh cho rằng: thảm là rất buồn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thảm cũng giống như chữ độc, độc hại. Chữ viết từ bộ tâm thanh tham. Trong kinh văn viết từ bộ thạch, viết thành chữ sâm này, nghĩa là sỏi đá. Chữ thảm chẳng phải nghĩa này.

Tài đắc : Ngược lại âm tại lai. Sách Khảo Thanh cho rằng: tài là vừa mới, hoặc là viết chữ tài các văn sử sách cũng viết chữ tài các văn sử sách cũng viết chữ tài này là mượn dùng. Chánh Tự xưa nay hoặc là viết từ bộ mạch đến bộ tài, âm tài ngược lại âm sữu lược, từ bộ thố âm thố, ngược lại âm thổ cổ.

Ha sắt : Ngược lại âm trên là kiên ca. Sách Khảo Thanh cho rằng:



ha là lớn tiếng, quát mắng, giận dữ, tra hỏi, trách mắng. Văn cổ viết từ bộ chỉ đến bộ khẩu viết thành chữ ha. Trong kinh văn viết ha là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là sĩ lật. Sách Lễ Ký ghi rằng: trước mặt khách phải tôn trọng không la mắng chớ. Theo văn Tự Điển cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu thanh thất.

Nhai quĩ : Ngược lại âm trên là điều la. Sách Khảo Thanh cho rằng: bến nước ven bờ. Ngược lại âm nhã giai. Theo sách Tập Huấn cho rằng: ven bờ vách núi hiểm trở, hoặc là viết chữ nhai nay. Chánh Tự xưa nay cho rằng: bên sườn núi. Chữ viết từ bộ hán thanh giai, âm hán là âm hản. Ngược lại âm dưới là quĩ quĩ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quĩ là đánh giá, phán đoán. Âm độ, ngược lại âm đường lộ. Độ cũng gọi lượng, lượng xét, đo lường mức độ. Sách Thuyết Văn cho rằng: xem xét đánh giá. Chữ viết từ bộ thủ thanh quỳ, chữ quỳ dưới là chữ thiên.

Thiệt cấm : Ngược lại âm cầm cấm. Sách Vận Anh cho rằng: cấm là miệng mở không ra. Sách Vận Thuyên cho rằng: miệng lấp bấp không mở miệng nói được. Hoặc viết từ bộ kim viết thành chữ ngậm, hoặc viết từ bộ ngư viết thành chữ ngậm đều là , cái lưỡi của con trâu không noi được đây là chữ lưỡi sai sót chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Tỳ-bát-thi : Hoặc gọi là tỳ bà thi, tiếng Phạn. Tên của vị Phật trong tiền kiếp. Đường Huyền Trang gọi là thắng quán. Hoặc gọi là huy bát thi.

Tỳ-nhiếp-phù : Đây cũng là tiếng Phạn, cũng là tên của vị Phật trong kiếp trang nghiêm. Đường Huyền Trang gọi là năng biến hiện. Xưa dịch là : Tỳ-xá-phù.

Yết-lạc-ca-tôn-đà Như Lai xưa gọi là Câu-lưu-tôn, đều là tiếng Phạn, chuyển ngữ sai, đúng Phạn âm gọi là yết cú thôn na.

Khinh tiếu : Hoặc viết tiếu. Giải thích nghĩa cũng đồng. Ngược lại âm tề diêu. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: tiếu là trách chê trách. Sách Thuyết Văn ghi rằng: rắc rối phiền nhiễu, chữ viết từ bộ ngôn thanh tiếu.

Bức hiếp : Ngược lại âm khảm nghiệp. Sách Thượng Thư cho rằng: dùng sức mạnh tiêu diệt sào huyệt của bọn cướp, bắt kẻ cầm đầu mà trị tội. Cố Dã Vương cho rằng: lấy uy lực để mà dọa nạt đe dọa. Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: lo sợ, sợ sệt, bức bách. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: lo sợ cướp bóc. Quảng Nhã cho rằng: khiếp sợ. Theo sách Thanh Loại cho rằng: phụ cận. Sách Vận Thuyên Tập cho rằng: gần Vận Anh Tập cho rằng: gấp gáp, vội vàng. Chánh Tự

xưa nay viết từ bộ tâm thanh hiệp. Trong kinh văn phần nhiều viết đơn giản là hiệp, nghĩa là hai bên trong sườn, đây là chẳng phải nghĩa của kinh. Lại viết từ ba bộ đến bộ nguyệt là chẳng phải, không thành chữ, viết đúng là từ ba bộ lực đến bộ nhục.

Đã bổng : Ngược lại âm bạch hạng. Trong kinh viết từ bộ phụng viết thành chữ bổng, văn thường hay dùng là chẳng phải.

Lô chí Như Lai : tiếng Phạn. Tên của vị Phật. Xưa dịch là lâu chí. Đường Huyền Trang gọi là : ái lạc, tức là trong hiền kiếp. Vị Phật thứ một ngàn sau kiếp mạt sẽ thành Phật, tức là nay gọi là “chấp kim cang thân” là vậy, cũng có tên là Mật tích kim cang.

-----

## KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 8

Xa lộ : Ngược lại âm trên là cử ngư chữ tượng hình. Âm dưới là lộ. Sách Chu Lễ cho rằng: vua có năm loại xe, xe ngọc, xe vàng, xe tượng, xe cách, xe mộc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: xe lớn, xe ngọc đều là loại xe cúng tế trời. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiếc xe có gắn cái chuông phía trước có cây trụ ngang. Chữ viết từ bộ xa đến bộ lộ thanh tĩnh.

Thổ khối : Văn cổ viết chữ khối này. Chữ tượng hình. Ngược lại âm khổ ngoại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đôi cỏ xanh, âm cách. Ngược lại âm phi lực, nghĩa là hòn đất.

Sở nhuyễn : Ngược lại âm ni triển. Sách Vận Thuyên cho rằng: bánh xe lăn nghiền nát, âm lịch là âm lịch là chiếc xe nghiền cán lên dẫm lên. Các sử sách âm nhuyễn là âm nhuyễn, viết là nhu nhuyễn, nghĩa dùng người khéo léo, đầy đủ. Nay không dùng âm này. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: nhuyễn là xe nghiền nát, chữ viết từ bộ xa thanh cập âm cập. Trong kinh văn phần nhiều viết từ bộ triển, viết thành chữ triển này là chẳng phải, âm triển là âm triển. Văn Ngọc Thiên cho rằng: trong tự có tám điều giải thích đều chẳng phải. Trong nghĩa kinh giải thích rằng: triển là chuyển, nghĩa là lần lần từ từ chuyển là chuyển, nghĩa là lần lần từ từ chuyển, sắp bày, tin theo, thoải mái, thông thả, duỗi thẳng, từng lớp, khó, thành thật, các nghĩa này đều chẳng phải ý của kinh. Nay lại không lấy nghĩa này, cần phải sửa đổi chỗ còn thiếu sót.

Đầu xế : Ngược lại âm trên là đậu lâu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện

rằng: đầu là ném quăng. Sách Thuyết Văn cho rằng: kêu ra, trích ra. Chữ viết từ bộ thủ thanh thù, âm thù là âm thù. Ngược lại âm dưới là xiển thực. Sách Vận Anh cho rằng: xế là lôi kéo. Tự Kính Bỉ cho rằng: dẫn, kéo. Sách Chu Dịch cho rằng: thấy người dẫn dắt lôi kếp bầy bò đi qua. Chánh Tự xưa nay hoặc là viết khiết, cũng viết chữ xế. Ngược lại âm xung thế. Dẫn đi tung hoành ngang dọc gọi là xế chữ viết từ bộ thủ thanh xế hoặc là viết chí đến chữ nhiệt, âm bỉ ngược lại âm sữ liệt.

Hống thanh : Ngược lại âm hô cầu, văn thường hay dùng. Chữ đúng viết từ bộ ngu viết thành chữ hống. Văn cổ viết hống. Sách Khảo Thanh cho rằng: hống là tiếng rống, gầm thét lớn, đó là tiếng của con hổ, con bò v.v... nó gầm thét. Tiếng chó sủa gọi là phệ. Tiếng ngựa hí gọi là tư, tê. Tiếng chim hót gọi là hào. Các loại tiếng đó, Quảng Nhã cho rằng: tiếng kêu lớn. Theo chữ hống nghĩa là kêu gọi. Chánh Tự xưa nay, viết là ngu là tiếng kêu của con gấu. Chữ viết từ bộ đều là chữ hình thanh.

Thù kháng : Ngược lại âm trên là thọ lưu, hoặc viết chữ thù này giải nghĩa phần nhiều cũng không đồng. Quách Phác cho rằng: chữ thù thông với gọi là cùng nhau báo đáp, không phải riêng người chủ rót rượu mời khách uống, mà người khách cũng có thể rót rượu mời người chủ nên gọi là “thù tạc” là qua lại. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thù là đối địch với nhau. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ngang nhau, bằng nhau. Chữ viết từ bộ đậu. Thanh châu, thù là chữ hội ý. Ngược lại âm dưới là khổ lãng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: kháng là chống lại kẻ địch, đương đầu với nhau. Tử Hạ cho rằng: chống cự quyết liệt. Sách Tập Huấn cho rằng: phòng ngự. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cầu cứu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nắm cái cán. Chữ viết từ bộ thủ thanh kháng. Trong kinh văn viết từ bộ nhọn viết thành chữ kháng này cũng thông dụng.

Uất chưng : Ngược lại âm hy luận. Bì Thương giải thích rằng: Uất là khói tỏa bay ra. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: uất hơi, hơi bị nghẹt, hơi nóng bốc ra. (T422) Theo Mao Thi Truyện cho rằng: uất là tích chứa. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: uất uất không thoải mái. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng : uất là bị ngưng trệ. Quảng Nhã cho rằng: u uất trong lòng. Sách Thuyết Văn cho rằng: là một loại cỏ thơm, tên gọi là uất kim hương, hòa hợp với các lá thuốc khác, nấu lấy nước ngâm với rượu, có thể là m thuốc an thần. Chữ viết từ bộ cữu, âm cữu ngược lại âm cung lục, âm mịch là âm mịch đến âm phử, ngược lại âm bất cầu, đến âm quan đến âm dương, âm sam là âm sam là loại áo lông

cửu mặt trang sức. Trong kinh văn phần nhiều viết từ bộ lâm đến bộ cần đến bộ thốn viết thành chữ chữ uất là chẳng phải, không nói đến chỗ sai mất lâu đời. Ngược lại âm dưới là chức lạng. Sách Khảo Thanh cho rằng: chưng là bốc hơi lên, hun cho nóng, cũng là bụi trần. Sách Thuyết Văn cho rằng: đốt lửa hun khí bốc lên. Chữ viết từ bộ thảo thanh chưng hoặc là viết chữ này cũng đồng.

Thê đặng : Ngược lại âm trên là thể đê. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Thê là bậc thân, nấc thang trình tự tiến bộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nấc thang bằng gỗ, chữ viết từ bộ mộc thanh đê. Ngược lại âm dưới là đặng đặng. Hoặc là viết chữ đặng là bước đi, bước lên từng bậc thang cấp trên con đường đạo.

Kinh Thập Luận - quyển thứ mười.

Táo nhiễu : Ngược lại âm trên là tao áo. Sách Vận Anh cho rằng: táo là động. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cũng là quấy nhiễu. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: không yên tịnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng viết chữ táo này, từ bộ tảo thanh táo. Trong kinh văn viết từ bộ túc. Chữ hình thanh, ngược lại âm dưới là nhi chiểu. Trong kinh Đại Bảo Tích, âm nghĩa trước quyển thứ một trăm mười hai đã giải thích rồi.

Y hộ : Ngược lại âm hồ cổ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hộ là nương dựa vào. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: không có cha nương dựa vào đâu? Chỉ biết nương dựa vào người mẹ. Chữ hình thanh, cũng là thượng thanh.

Lận tích : Ngược lại âm lân trần, âm dưới là tích.

Trạc dĩ : Ngược lại âm trên là tràng giác. Quảng Nhã cho rằng: trạc là tẩy rửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: giặt giũ, chữ viết từ bộ thủy thanh trạc âm thác.

Lại-da : tiếng Phạn, nghĩa là tên của thức thứ tám. Đường Huyền Trang cho rằng: Tầng thức có thể bao hàm chứa chấp giữ lấy các chủng tử thiện ác, cho nên tên là tàng thức, cũng tên là Lương Tịnh Thức, hoặc gọi là A-đà-na-thức. Thức này rất nghiêm mật. Kinh nói rằng: thức A-đà-na rất vi tế, chứa tất cả hạt giống thiện ác, giống như dòng nước chảy mạnh cuống ta theo hàng phàm phu, không phai mở diễn biến, mà lo sợ kia phân biệt chấp là ngã của ta.

Tắm lạn : Ngược lại âm trên là tinh nhậm. Chữ khứ thanh. Theo Vận Anh Tập cho rằng: tắm là ngâm nước sạch, dần dần chìm xuống nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: xưa gọi là lồi lằm. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ thủy thanh sâm, âm sâm ngược lại âm thất dâm, hoặc là từ bộ

miền viết thành chữ tử. Ngược lại âm dưới là lan thả. Sách Tập Huấn cho rằng: đốt lửa cháy quá nóng gọi là lan, sáng rực. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa.

Yến nhiên : Ngược lại âm yên kiến. Sách Khảo Thanh cho rằng: yến là an ổn. Sách Vận Thuyên cho rằng: nằm giữa nghỉ ngơi, hoặc là mượn âm. Ngược lại âm ư luyện, thuận theo tục ngữ, nghĩa là an nghỉ.

Sương dịch : Ngược lại âm doanh ích. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước dãi, nước miếng, chỉ chung các chất nước trong người như máu, nước dãi, mồ hôi, nước mắt v.v...

Ngang tinh : Ngược lại âm mao bào. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tên của một ngôi sao ở hướng Tây. Quảng Nhã cho rằng: ngang, đó gọi là loại cờ có cấm lông của con ly ngư. Theo chữ ngang đó nghĩa là tên của ngôi sao ở hướng tây, gọi là bạch hổ tinh. Chánh là đương ở hướng Tây, cho nên trong sách lục nhận thức có quẻ gọi là âm dương gọi là con hổ nhìn, có cúi ngược nằm xuống khác nhau. Sách Chiêm Truyện nói rằng: cũng khác với ngày nay dùng là sai. Văn thường hay dùng lấy ra chọn lựa gọi ngang là tiếng Phạn cho rằng: “Sao-yết-đề-ca” gọi là ngày 15 tháng 09. Tháng này tối gọi là sao Túc, cho nên từ ngày 16 tháng 08 về sau đến ngày 15 tháng 09 này. Tháng giêng gọi là công thêm một tháng. Người xưa nói là tiếng Phạn chuyển ngữ có sai, dịch lược bớt. Nay trong luật tứ phần, ngũ phần, các bộ văn luật lấy ngày 16 tháng 07 nước này cộng thêm tháng là sai. Lấy thêm một tháng này thì quá sớm, người dịch luật sai lầm, trong truyện cũng có thói quen sai lầm nên ngày an cư kiết hạ quá nhanh.

